

DRI

2020

Hướng đến “Phát triển bền vững”



DRI



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK



Địa chỉ: 59 Cao Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk



Số điện thoại: (0262) 3867 676



Số fax: (0262) 3865 303



Website: dri.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính gửi Quý cổ đông, đối tác và toàn thể CBCNV DRI!

Năm 2020 khởi đầu với dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp Covid-2019 đã tác động không nhỏ đến nền kinh tế thế giới, các chuỗi cung ứng bị đứt gãy, các hoạt động kinh tế xã hội bị gián đoạn, nhiều nền kinh tế đều bị suy thoái nghiêm trọng. Việt Nam của chúng ta ngoài ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 cộng thêm tác động của thiên tai lũ lụt tại các tỉnh Miền Trung nên nền kinh tế cũng đã bị ảnh hưởng mạnh, dù là một trong số ít nền kinh tế tăng trưởng dương trên thế giới nhưng cũng chỉ đạt 2,91%.

Trước những khó khăn chung của nền kinh tế và ảnh hưởng bởi thời tiết, dịch bệnh vườn cây, dưới sự lãnh đạo của HĐQT, Ban điều hành và toàn thể cán bộ công nhân viên lao động, DRI đã linh hoạt, nỗ lực vượt qua những khó khăn và đạt được một số thành tích nhất định. Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 99,2% trong bối cảnh doanh thu chỉ đạt 84,13% kế hoạch và sản lượng đạt 95,04% kế hoạch. Trong khó khăn Công ty đã không cắt giảm tiền lương của người lao động mà còn hỗ trợ thêm thu nhập cho người lao động tại Daklaoruco và tổ chức tết cổ truyền Việt Nam tại Lào cho những CBCNV người Việt Nam đã không thể về quê đón tết cùng gia đình do lệnh cách ly của hai Chính phủ Việt Nam và Lào.

Kiên định với chiến lược phát triển bền vững, HĐQT đã lãnh đạo Công ty theo hướng Hiệu quả về kinh tế- Trách nhiệm xã hội - Bảo vệ môi trường, các sản phẩm mủ cao su của DRI đã chinh phục được những thị trường khó tính như Hoa Kỳ, EU, Đài loan, ...với tỷ lệ xuất khẩu đạt 62,88% trong cơ cấu sản phẩm tiêu thụ. Năm 2020 là năm thứ hai liên tiếp DRI là 1 trong 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về xuất khẩu cao su, tính theo kim ngạch xuất khẩu (theo Tổng cục Hải Quan).

Năm 2021 mặc dù thế giới đã có vaccin phòng Covid-19, tuy nhiên với sự phổ cập vaccin còn khó khăn, nhiều biến thể virus mới xuất hiện, cũng như ảnh hưởng tiêu cực của suy thoái kinh tế trong năm 2020; biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt ảnh hưởng trực tiếp đến ngành nông nghiệp, dự báo tình hình vẫn chưa hết những khó khăn. Tuy nhiên, trong khó khăn vẫn có cơ hội và thách thức cần phải nắm bắt, tận dụng và vượt qua, các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU, Trung quốc đã dần hồi phục và tăng trưởng. Việt Nam chúng ta với sự quyết tâm của Chính phủ, sự đồng lòng của toàn thể nhân dân cũng trở thành một hiện tượng, một điểm sáng trong phòng chống dịch và tăng trưởng kinh tế của năm 2020 và là tiền đề cho năm 2021 với dự báo mức tăng trưởng có thể đạt 6,5% GDP.

Năm 2021 cũng là năm mà các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP bắt đầu có hiệu lực, sẽ có tác động tích cực giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong đó có mặt hàng cao su, sản phẩm trái cây. Từ những dự báo về tăng trưởng kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, hiệu lực của các chính sách, những thuận lợi, khó khăn của ngành và nội lực của DRI, HĐQT sẽ luôn linh hoạt trong điều hành, đưa ra những quyết sách hợp lý mang tính chiến lược, cùng với Ban điều hành, toàn thể CBCNV lao động DRI phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu mà ĐHCĐ thường niên năm 2021 giao và tiếp tục thực hiện Kế hoạch phát triển cao su bền vững tại Daklaoruco, mang lại lợi ích lâu dài cho cổ đông, các đối tác, người lao động và cho cả cộng đồng.
Xin trân trọng cảm ơn!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Việt Cường

MỤC LỤC



01

THÔNG TIN CHUNG

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM

03

BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

04

BÁO CÁO
CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

05

BÁO CÁO
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Những thành tích đạt được trong năm 2020

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị tổ chức kinh doanh và bộ máy

Định hướng phát triển

Các yếu tố rủi ro



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Tên giao dịch	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đắk Lắk.
Tên tiếng Anh	Daklak Rubber Investment Joint Stock Company.
Giấy chứng nhận ĐKDN số	6001271719 đăng ký lần đầu ngày 24/02/2012, thay đổi lần thứ 7 ngày 29/09/2015.
Vốn điều lệ	732.000.000.000 đồng (tại ngày 31/12/2020).
Địa chỉ	59 Cao Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk.

Số điện thoại (0262) 3867 676

Số fax (0262) 3865 303

Website www.dri.com.vn

Email dri@dri.com.vn

Mã cổ phiếu DRI

Logo công ty



Công ty xây dựng phương án phát hành tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu nhằm bổ sung vốn lưu động cho các dự án trồng mới cao su, mở rộng và nâng cấp nhà máy chế biến mủ cao su.

80% diện tích vườn cây cao su đã đưa vào khai thác với doanh thu đạt hơn 400 tỷ đồng và nhân sự đến hơn 2.400 người.

Thực hiện giao dịch cổ phiếu trên sàn UpCom vào ngày 23/5/2017.

Dự án Nông nghiệp công nghệ cao đã cho doanh thu. Nộp hồ sơ xin niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Tiếp tục lộ trình xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững trên nền tảng: Hiệu quả về kinh tế - Trách nhiệm xã hội – Bảo vệ môi trường.

Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Cao Su Đắk Lắk được thành lập theo giấy phép hoạt động số 6001 271719 do Sở kế hoạch và đầu tư Đắk Lắk cấp ngày 24/2/2012. Đến nay Công ty đã 7 lần thay đổi giấy phép hoạt động. Công ty được thành lập theo đề án cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước của Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk với vốn điều lệ là 500.000.000.000 VNĐ nhằm quản lý dự án đầu tư cây cao su và các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào.

- 04/2012: Công ty bắt đầu xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su tại Lào với công suất 10.000 tấn/năm và đã đưa vào hoạt động
- 07/2012: Công ty tiếp quản Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (DAKLAORUCO) tại Lào từ Công ty mẹ Dakruco. Từ đó DRI ngày một khẳng định được thương hiệu cao su DAKLAORUCO trên thị trường thế giới.



- DRI được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp xuất khẩu cao su dẫn đầu năm 2020 tính theo kim ngạch xuất khẩu theo Số liệu của Tổng cục Hải Quan. (Xếp thứ 34/50 - Trang 14 tạp Chí Cao su số 01/2021);
- Mặc dù tình hình thời tiết bất lợi do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, DRI tiếp tục nằm trong nhóm công ty có năng suất vườn cây cao trong ngành với năng suất bình quân 1,80 tấn/ha;
- Đầu tư hoàn chỉnh dự án chuỗi trồng xen sầu riêng trên diện tích thuê đất cao su trồng theo mô hình hàng kép của Dakruco.

CÁC SẢN PHẨM TIÊU BIỂU



SVR 3L



SVR 10



SVR CV50



SVR CV60



NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Trồng cây cao su.
- » Chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên.
- » Bán buôn mủ cao su và nông sản; Bán buôn cây giống cao su và cây công nghiệp khác.
- » Bán buôn máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, chế biến cao su, sản xuất nông nghiệp.



Tỷ trọng bán hàng qua các thị trường năm 2020:

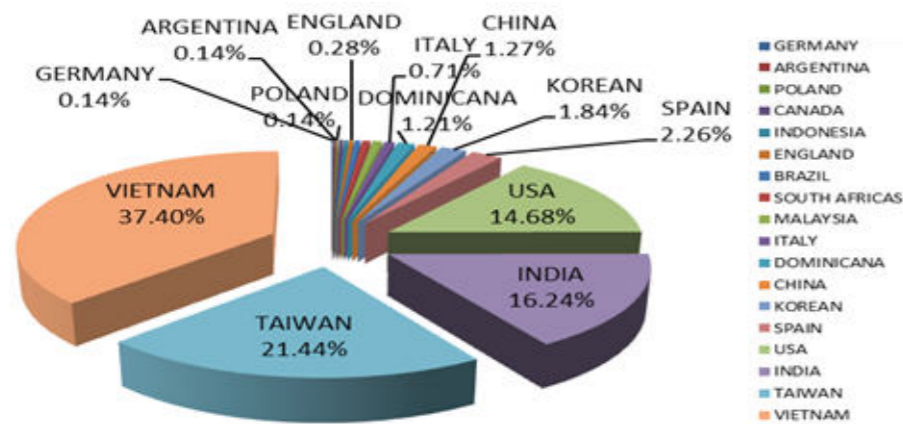
Tỷ lệ bán nội địa

37,12%

Tỷ lệ xuất khẩu

62,88%

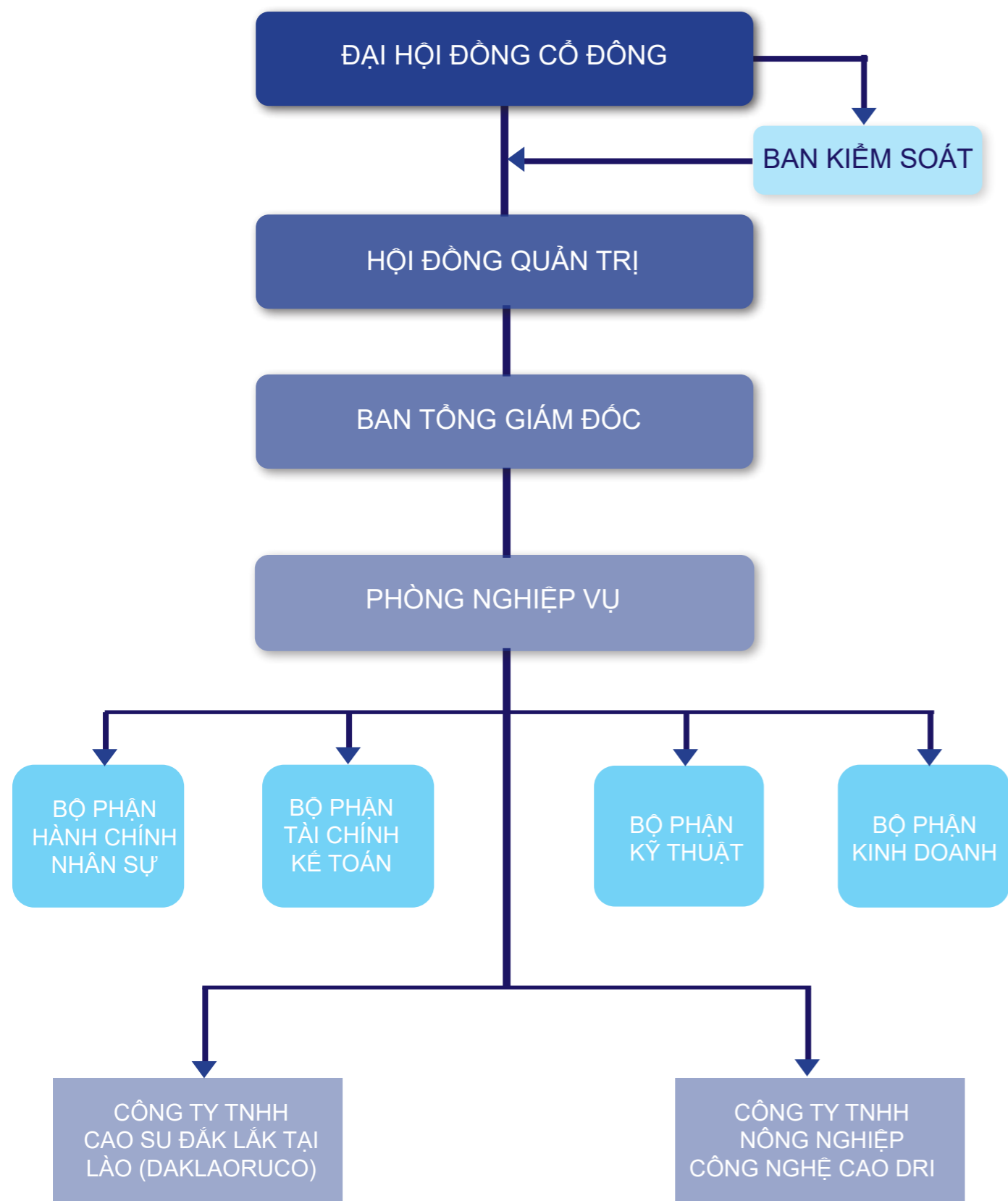
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU NĂM 2020



Mỹ

ĐỊA BÀN KINH DOANH

- » Vườn cao su được trồng tại 2 tỉnh ChămPaSăk và Salaval tại nước Cộng hòa Dân chủ nhân dân Lào.
- » Sản phẩm được xuất bán đi các nước Mỹ, Đức, Tây Ban Nha, Bỉ, Ấn độ, Hàn quốc, Malaysia, Singapore, Đài Loan, ...



Công ty TNHH Cao Su Đăk Lăk (Daklaoruco): Địa bàn hoạt động tại Lào

Mô hình quản trị công ty theo điểm a, khoản 1 điều 137 Luật Doanh nghiệp gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ);
2. Hội đồng quản trị (HĐQT);
3. Ban kiểm soát (BKS);
4. Tổng giám đốc (TGD).

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT



Công ty con

Công ty TNHH cao su Đăk Lăk (Daklaoruco)

- » Vốn điều lệ: 25.000.000 USD
- » Tỷ lệ sở hữu: 100%



Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI

- » Vốn điều lệ : 26.000.000.000 VNĐ (Hai mươi sáu tỷ đồng)
- » Tỷ lệ sở hữu : 80,77%

Công ty liên kết: Không có.



- TẦM NHÌN
- SỨ MỆNH
- GIÁ TRỊ CỐT LÕI



DRI

Hướng đến “Phát triển bền vững”

Tầm nhìn

Đến năm 2030 là một Công ty có danh tiếng trong ngành cao su Đông Nam Á. Đến năm 2025 sẽ định hình kinh doanh một số cây trồng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Sứ mệnh

Phát triển bền vững: Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội.

Giá trị cốt lõi

- Bảo toàn và phát triển nguồn vốn của cổ đông.
- Tạo việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động.

MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- » Kiên định với mục tiêu Phát triển bền vững, hài hòa lợi ích của các bên liên quan, đảm bảo các yếu tố: Hiệu quả về kinh tế - Bảo vệ môi trường – Trách nhiệm xã hội.
- » Đảm bảo năng suất tối ưu; Đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo đảm tính ổn định và đồng đều của sản phẩm; sản xuất những sản phẩm chất lượng có giá trị gia tăng cao, đáp ứng nhu cầu thị trường; Không ngừng quảng bá hình ảnh, sản phẩm, thương hiệu Công ty với khách hàng trong và ngoài nước thông qua việc thiết lập mối quan hệ hợp tác với các tham tán thương mại; tham gia các chương trình xúc tiến thương mại và hội thảo trong và ngoài nước nâng cao tỷ lệ xuất khẩu.
- » Tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- » Xây dựng bộ máy quản lý gọn nhẹ, linh hoạt, trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ tốt, tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động thấp.
- » Củng cố thâm canh vườn cây, kiểm soát việc tuân thủ các quy trình kỹ thuật, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật, phương pháp quản lý hiệu quả vào sản xuất nhằm đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây, duy trì năng suất cao ổn định.
- » Làm tốt công tác quản trị chi phí, giá thành, luôn duy trì giá thành mủ cao su, hạt điều, chuối tươi ở mức hợp lý, nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty, lợi ích cho các cổ đông.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- » Quản lý tốt các dự án phát triển cao su tại các tỉnh Nam Lào; xây dựng và thực hiện lộ trình khai thác vườn cây và trồng tái canh vườn cây cao su chu kỳ thứ hai, phù hợp với hợp đồng tô nhượng đất và chất lượng vườn cây.
- » Phát triển thêm các dự án trong nước về sản xuất Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao như sản xuất các loại trái cây phục vụ cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.
- » Xây dựng hệ thống nền tảng vững chắc nhằm phát triển các sản phẩm mang thương hiệu riêng của Công ty, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- » Xây dựng nền văn hóa doanh nghiệp mang bản sắc riêng, tạo sự kết nối chặt chẽ giữa Ban lãnh đạo và các thành viên khác trong Công ty.
- » Xây dựng và triển khai lộ trình phát triển cao su bền vững, thân thiện với môi trường, cộng đồng. Mang lại lợi ích bền vững cho Công ty và các bên liên quan.



CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Môi trường:

- » Hoạt động kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường, tạo sinh kế ổn định cho dân cư trong vùng dự án, thay đổi tập quán canh tác, bỏ được tập tục du canh, du cư của người dân Lào và tạo sinh kế cho người dân huyện Krong Buk, Đăk Lăk - Việt Nam.
- » Thực hiện các biện pháp hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực tới môi trường; Trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tuân thủ các quy định về môi trường tại nước sở tại.
- » Phát triển cao su bền vững thông qua chương trình tham gia tự nguyện cùng với một số đơn vị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và các tổ chức NGOs (Tổ chức phi chính phủ), hướng tới được chứng nhận Quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.
- » Năm 2019 đầu tư hệ thống nước thải tại nhà máy chế biến, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường tại Daklaoruco theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015, năm 2021 phấn đấu đạt được chứng chỉ quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- » Tiếp tục phát triển các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đăk Lăk, Việt Nam theo hướng tăng hệ số sử dụng đất, sử dụng nước tiết kiệm, áp dụng công nghệ sinh học, giảm thiểu việc gây ô nhiễm môi trường...

Xã hội và cộng đồng:

- » Tạo việc làm cho hàng ngàn người lao động tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, tại mỗi Nông trường cao su Công ty đều xây dựng trạm Y tế để khám chữa bệnh cho công nhân và nhân dân trong vùng dự án, hỗ trợ tu sửa trường học, các công trình tôn giáo, làm đường nội bộ, tặng giấy bút cho học sinh tại các bản trong vùng dự án, chữa sửa nhà cửa cho dân bị tốc mái do lốc, hỗ trợ công nhân khai thác mùa lũ,Tổng chi phí hỗ trợ địa phương năm 2020 tại Lào và DRI hơn 686 triệu đồng.
- » Hỗ trợ địa phương tại nơi đầu tư sản xuất kinh doanh đầu tư hệ thống đường điện, đường đi...
- » Phát triển các dự án về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đăk Lăk, Việt Nam nhằm tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người dân tại vùng dự án, đưa công nghệ mới vào sản xuất, nhằm thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao tại các địa phương nơi sản xuất.
- » Trong hoạt động sản xuất kinh doanh: DRI luôn tuân thủ Luật pháp, nộp ngân sách đầy đủ cho nhà nước Lào và Việt Nam. Trong đầu tư tại nước ngoài: DRI tuân thủ tốt các quy định theo Luật pháp của nước bạn, không vi phạm các quy định của công ước quốc tế về lao động, về quyền của người bản địa trên địa bàn hoạt động, thực hiện tốt các quy định trong Hiệp định ký kết giữa hai bên.
- » Luôn nghiên cứu cải thiện môi trường làm việc cho người lao động, đảm bảo sự an toàn, giảm lao động nặng nhọc, độc hại.



RỦI RO KINH TẾ

Năm 2020 diễn ra trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 kéo dài khiến cho nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm đáng kể. Tuy nhiên, nhờ vào những chủ trương đúng đắn và kịp thời của chính phủ trong công tác ngăn chặn dịch bệnh bùng phát đã giúp cho Việt Nam vẫn giữ được mức tăng trưởng GDP dương, với GDP năm 2020 là 2,91%. Hiện nay, diễn biến của dịch Covid-19 còn phức tạp, có thể kéo dài và chắc chắn vẫn còn tác động tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu. Bên cạnh đó, Công ty còn chịu những rủi ro sau:

- Về tỷ giá: Hoạt động xuất khẩu của DRI chiếm hơn 60% tổng cơ cấu doanh thu nên việc biến động tỷ giá của ngoại tệ so với Việt Nam Đồng (VNĐ) luôn được DRI xem là một trong những vấn đề cần phải giám sát và quản lý để có những biện pháp phòng ngừa rủi ro thích hợp. Tại DRI, Công ty con Công ty DRI đầu tư 100% vốn hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào nên rủi ro về chênh lệch tỷ giá ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận Công ty.
- Trung quốc mua dự trữ một lượng lớn cao su vào cuối năm 2020, năm 2021 dự báo lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên của nước này giảm mạnh khả năng ảnh hưởng đến tổng cầu trong năm và giá, do Trung Quốc là quốc gia chiếm tới 40% sản lượng tiêu thụ cao su thiên nhiên trên toàn thế giới.
- Tiềm ẩn Nguyên liệu thay thế cho cao su tự nhiên trong tương lai: Với xu hướng khách hàng hiện nay hướng tới dùng các nguyên vật liệu tái chế, bền vững, thân thiện với môi trường,.. Điều này mang tới tiềm ẩn rủi ro và những thách thức cho Công ty khi khách hàng giảm nhu cầu cao su thiên nhiên.
- Xu hướng mới nổi trong ngành cao su: Nhu cầu khách hàng đối với những nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, nằm trong chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu. Những yêu cầu ngày càng khắt khe của người tiêu dùng đòi hỏi các nhà sản xuất phải có trách nhiệm hơn nhất là về môi trường và cộng đồng.



RỦI RO PHÁP LUẬT

Hoạt động sản xuất kinh doanh của DRI, ngoài việc chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam, thì Công ty còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý tại Lào. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách tại nước Lào đang được đổi mới, do vậy Công ty cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu cầu này. Bên cạnh khung pháp lý chung, Công ty còn chịu sự chi phối của các chế tài, quy định đặc thù ngành như: Quy định về bảo vệ môi trường, nguồn nước, các yêu cầu về kỹ thuật trong trồng trọt cao su.

Ngoài ra, Công ty còn phải thực hiện theo các công ước quốc tế về môi trường, quyền con người, quyền người bản địa, quyền về lao động, việc tự do tham gia các hiệp hội,...theo quy định của FSC trong quá trình chuyển đổi Công ty theo hướng Phát triển bền vững.

DRI

RỦI RO KHÁC

Những rủi ro khác hầu như không có, nhất là các vấn đề về an ninh chính trị của Lào và Việt Nam là những nước ổn định nhất về an ninh chính trị của Khu vực Đông Nam Á và Thế giới. Tuy nhiên, năm 2020 do dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng, giá mủ cao su, trái cây trong 9 tháng đầu năm bị sụt giảm nghiêm trọng; tại Lào phải dừng khai thác mủ hơn một tháng tại Nông trường 2 và 4, do chính sách cách ly bệnh của chính quyền địa phương, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản lượng mủ, doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO ĐẶC THÙ VỀ KINH DOANH

Đặc thù của ngành sản xuất cao su ở Việt Nam nói chung và DRI nói riêng phụ thuộc rất nhiều vào giá cao su trên thế giới, trong khi giá cao su thế giới lại phụ thuộc nhiều vào tình hình cung cầu, tăng trưởng kinh tế toàn cầu, giá dầu thô, Chính sách tiền tệ của các nước lớn như Mỹ, Trung Quốc, Nhật, dự trữ cao su của Trung Quốc, địa chính trị. Bên cạnh đó, sản phẩm mới của Công ty là chuỗi tươi, chịu sự tác động mạnh của thị trường, thường xuyên không ổn định.

Ngoài ra, Công ty có khả năng đối mặt với một số rủi ro đặc thù ngành như sau:



Rủi ro tự nhiên

Nông nghiệp là ngành phụ thuộc hầu hết vào thiên nhiên gây ảnh hưởng đến hoạt động canh tác, năng suất, chất lượng, quá trình thu hoạch và sản xuất kinh doanh. Mặc dù cây cao su là loại cây công nghiệp lâu năm với việc chăm sóc đơn giản, không cần quá nhiều kỹ thuật trong trồng trọt nhưng việc kiểm soát tốt bệnh hại trên cây cao su, và hạn chế tác động của thiên nhiên sẽ giúp vườn cây phát triển tốt.

Rủi ro biến đổi khí hậu

Đây là một thách thức với toàn thể nhân loại hiện nay, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp là lĩnh vực dễ bị tổn thương nhất. Hiện nay, tình hình biến đổi khí hậu toàn cầu đã ảnh hưởng đến ngành nông nghiệp trong đó có cây cao su, cây ăn quả, mặc dù diện tích cao su của DRI nằm hoàn toàn tại Lào là nước nằm sâu trong thềm lục địa, ít ảnh hưởng của bão nhưng chịu tác động của gió lốc, hạn hán, lũ lụt, dịch bệnh. Năm 2020 tiếp tục là một năm nữa bất lợi với cây cao su do thời tiết khô hạn vào đầu vụ, thời điểm tháng 10 là giai đoạn cây cho sản lượng cao nhất lại mưa nhiều, kéo dài phải nghỉ cạo làm ảnh hưởng đến sản lượng vườn cây. DRI đang trong lộ trình xây dựng và quản lý lý rừng cao su bền vững theo các chuẩn mực Quốc tế nhằm góp phần hạn chế những tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu với sự hỗ trợ của hai tổ chức NGOs (Tổ chức phi chính phủ): Trung tâm con người và thiên nhiên, tổ chức Oxfarm (Liên minh quốc tế) Việt Nam.

Rủi ro về các dự án cao su tại Công ty con DAKLAORUCO

Hiện nay, Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc (DAKLAORUCO) là Công ty con do DRI nắm giữ 100% vốn điều lệ có nhiệm vụ trực tiếp quản lý, trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến cao su tại Lào. Do đó, tình hình hoạt động tại DAKLAORUCO có ảnh hưởng rất lớn đến với hoạt động kinh doanh của DRI. Dự án trồng cao su nằm tại nước Lào cách biệt về địa lý, bất đồng về ngôn ngữ, nước bạn có nhiều lễ hội nên phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; Ngoài ra, DRI cũng chịu rủi ro về sự thay đổi về các chính sách liên quan đến đầu tư dự án, chính sách thuế,.. của chính phủ Lào và Việt Nam.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của Công ty chủ yếu thực hiện tại công ty con do Công ty đầu tư 100% vốn là Công ty TNHH Cao su Đắc Lắc tại Lào. Công ty con tại Lào hiện đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 8.341 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn, 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2020 là 1,80 tấn/ha, trong đó có những lô cao su kinh doanh năm thứ 5, 6 đạt trên 2,65 tấn/ha.

Sản lượng năm 2020 là 15.206/16.000 tấn đạt 95% so với kế hoạch năm do thiếu hụt lao động vì ảnh hưởng của dịch Covid-19, số ngày nghỉ mưa trong tháng 10 nhiều là tháng cho sản lượng cao;

So với quy trình kỹ thuật về khai thác mủ cao su và năng suất bình quân của các công ty cao su trong ngành Cao su Việt Nam thì Công ty có ưu thế tương đương hoặc hơn và nằm trong nhóm năng suất cao và triển vọng do vườn cây đều thuộc nhóm I,II là nhóm có năng suất cao.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	TH 2020 so với KH 2020	TH 2020 so với TH 2019
1	Sản lượng						
	Cao su	Tấn	15.403,00	16.000,00	15.206,00	95,04%	98,72%
	Điều	Tấn	195,5	213	218,57	102,62%	111,80%
	Chuối	Tấn	2.252,58	4.590,00	3.268,00	71,20%	145,08%
2	Doanh thu	Triệu đồng	539.263	524.650	441.401	84,13%	81,85%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	55.006	34.266	33.993	99,20%	61,80%
4	Tỷ lệ xuất khẩu	%	60,29%	60,00%	62,88%	104,80%	104,30%

**Chỉ tiêu sản lượng thu hoạch không đạt kế hoạch do các nguyên nhân sau:**

Cao su: Ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Nông trường 2 và 4 thuộc tỉnh Salavan phải nghỉ cạo tháng 4/2020 do yêu cầu từ chính quyền địa phương. Các Nông trường còn lại gặp rất nhiều khó khăn trong công tác huy động nhân công khai thác do giãn cách xã hội, hầu hết công nhân ở xa vùng dự án đều không được rời địa phương để tiếp tục lao động. Thời điểm tháng 10 là tháng cho sản lượng cao nhưng do ảnh hưởng của thời tiết mưa bão nên số ngày mưa không cạo được và mưa bị trôi mất mủ là 14 ngày từ đó ảnh hưởng lớn đến công tác khai thác sản lượng mủ toàn Công ty. Tỷ lệ vắng cạo và trồng vườn năm 2020 chiếm tỷ lệ cao hơn các năm gần đây.



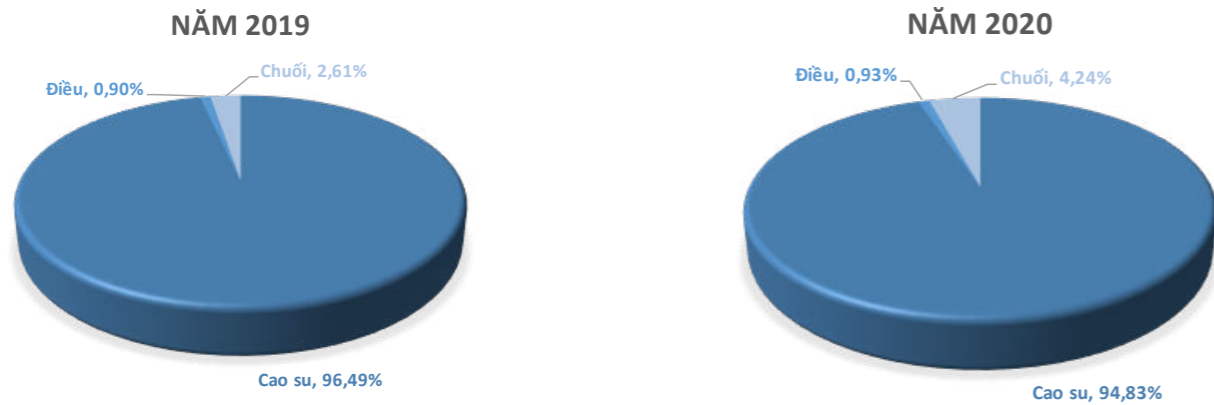
Chuối: Do thời tiết tại khu vực dự án gió nhiều, nhiệt độ trung bình thấp nên thời gian sinh trưởng của chuối bị kéo dài đã làm giãn thời gian thu hoạch chuối so với kế hoạch đề ra. Vụ 2 mới chỉ thu hoạch được 60,82% khối lượng, thời tiết mưa bão cuối tháng 10/2020 làm chuối bị đổ ngã, thời tiết mưa nhiều liên tục cũng làm xuất hiện nấm trên vỏ chuối làm mất thẩm mỹ trái chuối khi thu hoạch sẽ làm giảm khối lượng chuối xuất khẩu.

Tình hình kinh doanh

- » Doanh thu thuần đạt 441,4 tỷ đồng đạt 81,85% kế hoạch. Nguyên nhân do sản lượng tiêu thụ giảm 10,9 % so kế hoạch (xuất bán 14.273 tấn/ 16.024 tấn KH).
- » Lợi nhuận trước thuế năm 2020 đạt 33,993 tỷ đồng đạt 99,2% kế hoạch ĐHCĐ giao.
- » Sản phẩm của công ty đã được trải rộng trên rất nhiều thị trường, kể cả những thị trường khó tính như: Mỹ, Hà Lan, Ý, Tây Ban Nha, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan... Trong đó, 04 thị trường xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nhất là Đài Loan (21,44%), Ấn Độ (16,24%), Mỹ (14,68%) và các nước Châu Âu (3,53%).

CƠ CẤU DOANH THU

Khoản mục	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Cao su	508.361	98,88%	520.327	96,49%	418.575	94,83%
Điều	5,8	1,12%	4.859	0,90%	4.104	0,93%
Chuối			14.076	2,61%	18.721	4,24%
Tổng cộng	508.366,80	100,00%	539.263	100,00%	441.400	100%

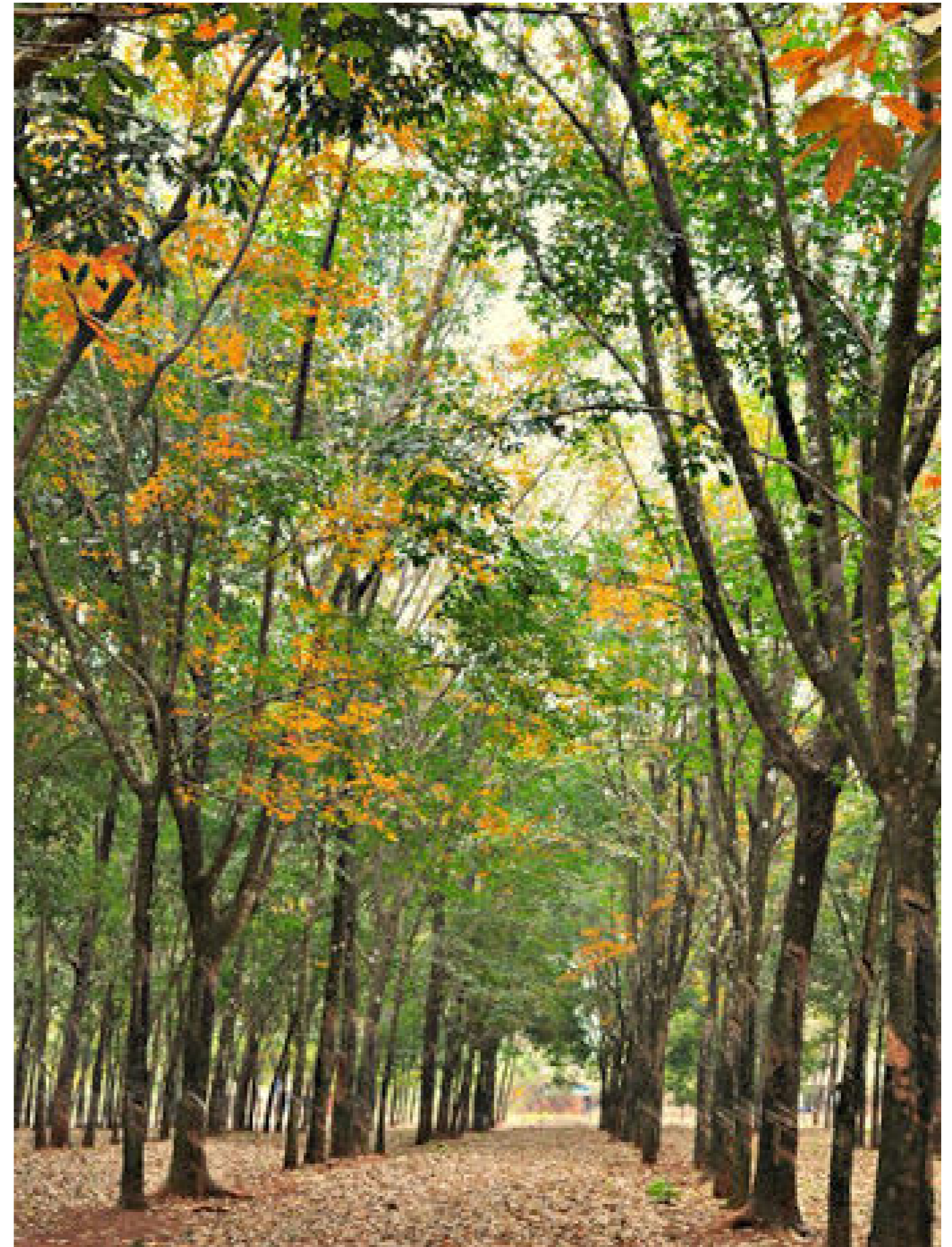


CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP

ĐVT: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	% tăng/ giảm 2020/2019
Cao su	72.940,85	155.346	124.548	-19,83%
Điều	383.407	-781	-872	-
Chuối	-	2.542	2.603	2,40%
Tổng Cộng	456.347,85	157.107	126.279	-19,62%

- » Hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính sản xuất cao su, nên cao su chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu của DRI với 94,83%. Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, chuối cung ứng bị gián đoạn có thời gian Công ty không bán được hàng, lượng tiêu thụ giảm 10,9% so kế hoạch. Vì vậy, doanh thu năm 2020 chỉ đạt 441,4 tỷ giảm 18,15% so năm 2019. Ngoài cao su và điều, năm 2020 Công ty có thêm nguồn thu từ chuối, trong đó điều đóng góp 0,93% trong cơ cấu doanh thu và chuối đóng góp 4,24% trong cơ cấu doanh thu.



DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc.
2	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
3	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng

**ÔNG LÊ THANH CẦN**

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Sinh năm: 20/08/1963

Là thành viên HĐQT từ tháng 4/2017

Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 33 năm trong ngành cao su, trong đó 27 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ Nhân viên kỹ thuật, Trưởng trại giống, Giám đốc đơn vị, Trưởng phòng kỹ thuật Dakruco, Phó giám đốc, Giám đốc Daklaoruco, Phó giám đốc DRI, từ tháng 9/2017 đến nay Ông là Tổng Giám đốc DRI. Ông rất có kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo sản xuất.

Trình độ chuyên môn:

» Kỹ sư nông nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác:

» Thành viên HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk.

BÀ NGUYỄN THỊ HẢI

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

Sinh năm : 18/03/1970

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017



Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm 25 năm trong ngành cao su trong đó 18 năm trong công tác quản lý. Đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kỹ thuật, thư ký ISO, Trưởng ban Công nghệ thông tin, Phó chánh văn phòng, Trưởng phòng nhân sự Dakruco. Từ năm 2012 đến nay bà là Phó Tổng Giám đốc DRI, Thư ký HĐQT. Bà tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017 đến nay.

Trình độ chuyên môn:

» Kỹ sư nông nghiệp;

» Thạc sĩ kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác: không**ÔNG LÊ THANH CƯỜNG**

Kế toán trưởng

Sinh năm : 10/05/1985

Là kế toán trưởng DRI từ tháng 10/2013



Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 13 năm trong lĩnh vực kế toán, trong đó làm trong ngành cao su 11 năm, trải qua các vị trí nhân viên kế toán, kiểm toán viên Dakruco, từ tháng 10/2013 đến nay là Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk

Trình độ chuyên môn:

» Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;

» Chứng chỉ kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác: không

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN (31/12/2020)

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (Người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	2.294	100,00
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	73	3,18
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	53	2,31
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	3	0,13
4	Lao động phổ thông	2.165	94,38
II	Theo đối tượng lao động	2.294	100,00
1	Lao động trực tiếp	2.107	91,85
2	Lao động gián tiếp	187	8,15
III	Theo giới tính	2.294	100,00
1	Nam	1.358	59,2
2	Nữ	936	40,8
IV	Theo quốc tịch	2.294	100,00
1	Lao động người Lào	2.050	89,36
2	Lao động người Việt Nam	244	10,64
Tổng cộng		2.294	100,00



CHÍNH SÁCH LƯƠNG - THƯỜNG

- » DRI xây dựng chính sách lương, thưởng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người; đồng thời đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi cho người lao động theo đúng quy định của Pháp luật. Ngoài ra, nhân viên trong Công ty sẽ được khen thưởng và điều chỉnh mức lương phù hợp dựa vào thời gian làm việc thực tế, công việc được giao, công sức đóng góp và chất lượng hoàn thành công việc. Những chính sách này là một trong những biện pháp hiệu quả nhằm thu hút những lao động giỏi về với tổ chức và duy trì sự gắn kết giữa người lao động với Công ty, giữ chân những người lao động giỏi và huy động tối đa năng lực làm việc của người lao động trong tổ chức.
- » Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã tác động đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Công ty không giảm lương mà vẫn duy trì chính sách lương ổn định; đồng thời cho phép chi trả toàn bộ 100% quỹ lương gián tiếp mặc dù kế hoạch sản lượng chỉ đạt 95%; Tổ chức Tết cổ truyền Việt Nam tại Lào cho số cán bộ công nhân viên (CBCNV) người Việt không về quê đón Tết do lệnh cách ly của 2 chính phủ Việt Nam, Lào vì dịch Covid-19.

THU NHẬP BÌNH QUÂN QUA CÁC NĂM

DVT: Triệu đồng/ người/ tháng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Lao động gián tiếp	13,38	15,00	13,97	14,98	16,65
Lao động trực tiếp	5,95	7,40	7,00	5,54	5,42

CHÍNH SÁCH PHÚC LỢI

- » Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được DRI đảm bảo thực hiện theo quy định của pháp luật. Cụ thể, CBCNV Công ty đều được tham gia các chế độ bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định Pháp luật. Ngoài ra, Công ty còn mua bảo hiểm con người cho CBCNV.
- » Hàng năm, DRI tổ chức định kỳ các đợt tham quan, nghỉ mát cho cán bộ, nhân viên. Bên cạnh đó, công ty còn tổ chức các trò chơi, hoạt động thi đua giữa các bộ phận với nhau để tạo sự khăng khít giữa mọi người trong Công ty và giúp nhân viên thư giãn, giải tỏa mệt mỏi.
- » Đối với cán bộ nhân viên có thành tích tốt, bên cạnh việc tuyên dương trước Công ty, nhân viên sẽ được xem xét để tăng lương nhằm khuyến khích họ phát huy năng lực, hết lòng với công việc.
- » Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các chương trình nhân dịp Lễ, Tết Việt Nam, Tết Lào, các ngày Quốc tế Lao động, Quốc tế phụ nữ, ..cho CBCNV của Công ty.

ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Trong năm Công ty thực hiện Bổ sung vốn vào Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao- DRI là 6 tỷ đồng, nâng tỷ lệ sở hữu từ 75% vốn điều lệ lên 80,77% vốn điều lệ.



Công ty con 1: Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Daklaoruco)

- » Vốn điều lệ : 25.000.000 USD
- » Tỷ lệ góp vốn: 100%
- » Địa chỉ: Bản Tha Luông, Tỉnh ChămPaSăk, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào
- » Ngành nghề kinh doanh chính: Trồng, chăm sóc, khai thác, chế biến và tiêu thụ cao su thiên nhiên
- » Hiện nay Daklaoruco đang quản lý 8.810,5 ha cao su trong đó 8.341 ha đã đưa vào khai thác; 498,64 ha điều và 17,65 ha bạch đàn, 01 nhà máy chế biến mủ công suất 18.000 tấn/năm. Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt cho năng suất cao, năng suất bình quân năm 2020 là 1,80 tấn/ha. Sản phẩm mủ cao su chế biến hiện nay của công ty chủ yếu là SVR 3L, SVR 10, SVRCV50 và SVR CV60, chất lượng sản phẩm tốt, các chỉ tiêu đều đạt tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu khách hàng, trong đó tỷ trọng SVR CV60 là sản phẩm cao cấp có giá trị gia tăng cao ngày càng gia tăng trong cơ cấu sản phẩm xuất bán; Phòng kiểm định chất lượng sản phẩm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017. Hệ thống quản lý được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.

Công ty con 2: Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI

- » Vốn điều lệ: 26.000.000.000 VNĐ.
- » Tỷ lệ góp vốn: 80,77%.
- » Địa chỉ: 59 Cao Thắng, TP. Buôn Ma Thuật, Đắk Lắk.
- » Ngành nghề kinh doanh: Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại chuối chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuối bán lẻ và xuất khẩu; Trồng, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế các loại trái cây như Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuối bán lẻ và xuất khẩu; Chuyên thu mua các loại trái cây chất lượng cao như Chuối, Mít, Sầu riêng, .. chất lượng cao phục vụ bán cho các siêu thị, chuối bán lẻ và xuất khẩu.
- » Năm 2020 tổng khối lượng chuối thu hoạch được 3.268 tấn đạt 71,13% kế hoạch, nguyên nhân do vườn cây bị nhiễm bệnh sigatoka ảnh hưởng đến khả năng quang hợp từ đó giảm năng suất vườn cây; thời gian sinh trưởng của cây chuối kéo dài do nhiệt độ bình quân tại vùng dự án trồng chuối thấp nên chỉ 60,82% thu hoạch trong năm 2020 còn lại kéo dài qua thu hoạch trong năm 2021.

Tình hình tài chính

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	2020/2019 (%)
1	Tổng giá trị tài sản	1.458,62	1.325,91	1.207,02	91,03%
2	Doanh thu thuần	514,16	539,26	441,40	81,85%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	71,84	52,78	34,54	65,44%
4	Lợi nhuận khác	-9,91	2,23	-0,55	-24,47%
5	Lợi nhuận trước thuế	61,92	55,01	33,99	61,80%
6	Lợi nhuận sau thuế	48,54	41,01	24,28	59,20%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (dự kiến)		4%	2,70% ^(*)	67,50%

(*): Tỷ lệ cổ tức dự kiến chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

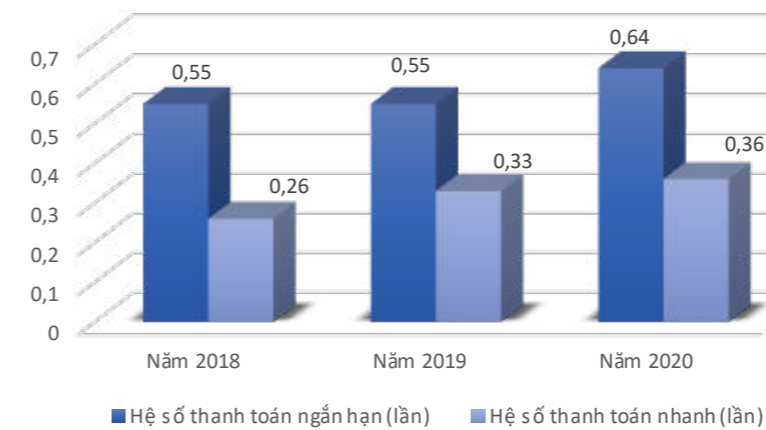
STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,55	0,55	0,64
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,26	0,33	0,36
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	Lần	0,4	0,37	0,36
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,68	0,59	0,57
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,21	5,92	5,51
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,35	0,41	0,37
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	9,44	7,6	5,5
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	5,61	4,92	3,15
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	3,3	3,09	2,01
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	13,98	9,79	7,82



Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của Công ty tại ngày 31/12/2020 ngày một tốt hơn so với các năm trước, dòng tiền đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục. Cụ thể:

Khả năng thanh toán



» Các hệ số khả năng thanh toán của Công ty trong 3 năm gần đây duy trì ổn định và không có sự thay đổi nhiều. Trong đó, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng nhẹ đạt 0,64 và hệ số thanh toán nhanh tăng nhẹ lên 0,36 vào năm 2020. Điều này cho thấy DRI luôn đảm bảo khả năng thanh toán ổn định cùng với chiến lược tối đa hóa nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

» Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2020 là 149,339 tỷ đồng tăng 25,40% so với năm 2019. Khoản tăng lên này chủ yếu đến từ khoản phải thu khách hàng của Công ty lên đến 40,908 tỷ đồng, nguyên nhân là do tình trạng thiếu container nên lượng hàng phải giao khách hàng dồn vào thời điểm cuối năm. Vì vậy làm tăng các khoản phải thu. Các khoản phải thu này đã được khách hàng thanh toán đủ trong tháng 1/2021

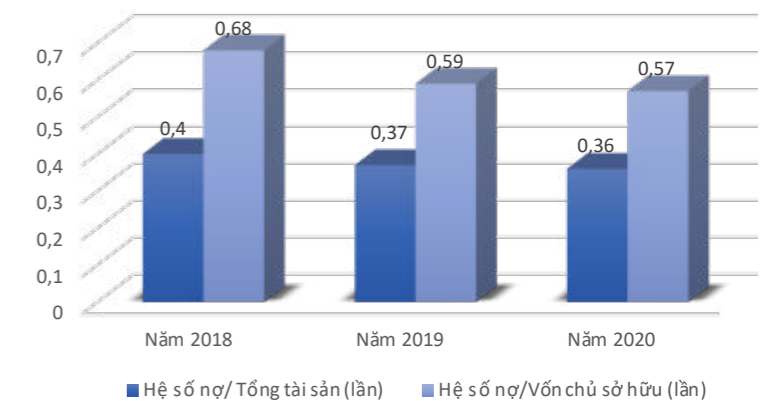


Cơ cấu vốn

Sau giai đoạn đầu tư khai thác ban đầu, vườn cao su của DRI đang sinh trưởng ổn định với năng suất khai thác thuộc top đầu trong ngành. Góp phần mang lại dòng tiền ổn định và giảm tỷ lệ nợ trong cơ cấu vốn của DRI. Năm 2020, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn duy trì ở mức ổn định hệ số nợ/tổng tài sản đạt 0,36 lần và hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu đạt 0,57 lần.

Thực hiện chủ trương giảm sử dụng đòn bẩy tài chính, thể hiện ở tỷ trọng nợ trong cơ cấu vốn đã giảm dần qua các năm. Với cơ cấu nợ như hiện tại sẽ góp phần giảm thiểu áp lực tài chính, đảm bảo khả năng thích ứng với những thay đổi trong chính sách lãi vay, tiền tệ của nền kinh tế.

Cơ cấu vốn



Nhìn chung, Cơ cấu nguồn vốn của Công ty ngày một tốt hơn, nợ đầu tư dài hạn đã giảm, tuy nhiên tốc độ giảm vẫn còn chậm.

Năng lực hoạt động

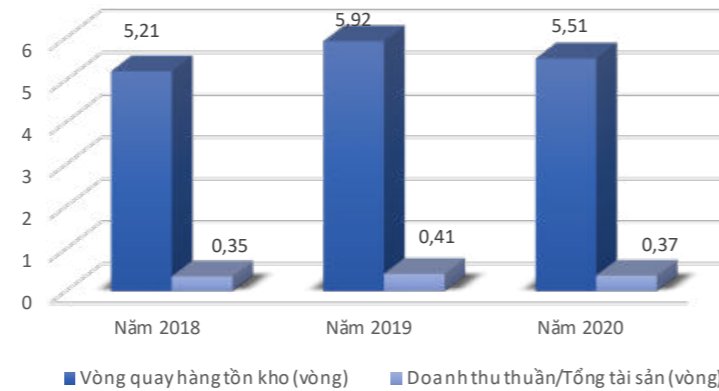
Năm 2020 do không hoàn thành kế hoạch sản lượng sản phẩm, doanh thu cũng không đạt. Do đó, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động có sự giảm hơn năm 2019, cụ thể:

Vòng quay hàng tồn kho của DRI trong năm 2020 giảm từ 5,92 vòng xuống còn 5,51 vòng do khoảng thời gian bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, hàng hóa khó khăn trong việc xuất khẩu. Với những triển vọng về giá cao su trong thời gian sắp tới, vào thời điểm cuối năm Công ty đã chủ động dự trữ hàng hóa để phục vụ cho việc kịp thời cung cấp tới khách hàng, tuy nhiên với mức tồn kho vừa phải, hạn chế ảnh hưởng tới vòng quay hàng tồn kho.

Doanh thu thuần năm 2020 đạt 441.400 tỷ đồng giảm nhẹ so với năm 2019 cùng với sự sụt giảm của tài sản còn 1,207 tỷ đồng, làm cho chỉ số giảm từ 0,41 vòng xuống còn 0,37 vòng.

Mặc dù Công ty phải đối mặt với một năm khó khăn với tình hình kinh tế diễn biến phức tạp song về dòng tiền vẫn đảm bảo cho Công ty hoạt động liên tục, không bị ảnh hưởng.

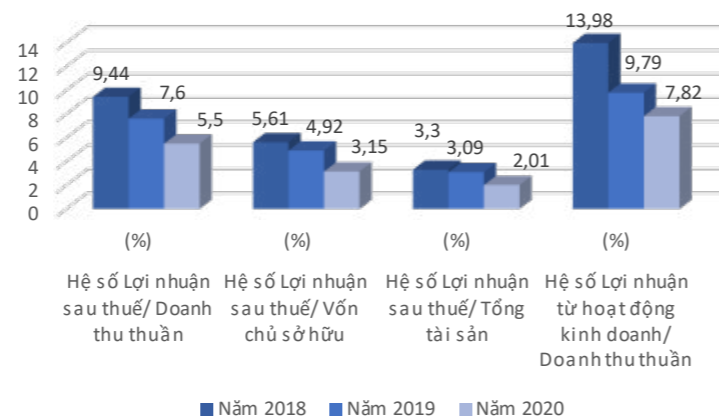
Năng lực hoạt động



Khả năng sinh lời

Những chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2019 phần lớn sự sụt giảm này bắt nguồn từ những khó khăn chung từ thị trường thế giới và cả trong nước. Với xu hướng hồi phục của nền kinh tế sau dịch, những định hướng phát triển theo hướng bền vững cùng nền tài chính ngày một vững mạnh kì vọng sẽ tạo động lực cho sự phát triển của DRI trong tương lai.

Khả năng sinh lời



Cổ phần tại ngày 31/12/2020

- » Vốn điều lệ: 732.000.000.000 đồng
- » Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 73.200.000 cổ phiếu
- » Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- » Cổ phiếu thường: 73.200.000 cổ phiếu
- » Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 73.200.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại ngày 17/03/2021

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp năm giữ	Tỷ lệ năm giữ (%)
1	Cổ đông Công ty CP do Nhà nước chi phối.	1	48.750.000	66,60
2	Cổ đông trong nước	3.626	24.394.422	33,33
	Tổ chức	9	1.039.072	1,42%
	Cá nhân	3.617	23.355.350	31,91%
3	Cổ đông nước ngoài	16	55.578	0,07%
	Tổ chức	0	0	0,00
	Cá nhân	16	55.578	0,07%
	Tổng	3.643	73.200.000	100,00

Danh sách cổ đông lớn

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/Hộ chiếu/ĐKDN	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty Cổ phần Cao su Đăk Lăk(Dakruco)	6000175829	30 Nguyễn Chí Thanh, TP. Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk	48.750.000	67%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có.

Giao dịch cổ phiếu cổ phiếu quỹ: Không có.

Các chứng khoán khác: Không có.



03

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Nguyên tắc quản trị phát triển bền vững

Chiến lược phát triển bền vững ngắn hạn, trung hạn và dài hạn

Phương thức tiếp cận và ghi nhận ý kiến phản hồi của các bên liên quan

Vai trò và trách nhiệm của các cấp quản lý trong việc triển khai phát triển bền vững của Doanh nghiệp



Mục tiêu Phát triển bền vững của DN: Hiệu quả về kinh tế- Bảo vệ môi trường- Trách nhiệm xã hội mà cụ thể là đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan gồm:

- **Doanh nghiệp:** Sản xuất kinh doanh có hiệu quả;
- **Khách hàng:** Tuân thủ cam kết, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, đa dạng, làm tốt hậu mãi;
- **Nhà đầu tư:** Sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn lực, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác. Đảm bảo lợi ích của cổ đông;
- **Người lao động:** Có cơ hội được đào tạo, phát triển nghề nghiệp, tự do tham gia hiệp hội đoàn thể được nhà nước cho phép, trả lương đầy đủ, đúng hạn, thực hiện tốt các chế độ đãi ngộ khác;
- **Nhà cung cấp:** Thỏa thuận công bằng, hướng tới lựa chọn nhà cung cấp cùng chí hướng về Phát triển bền vững để xây dựng chuỗi cung ứng toàn diện về Phát triển bền vững;
- **Môi trường, xã hội, cộng đồng:** Sử dụng hiệu quả tài nguyên, thực hiện tốt an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng;
- **Cơ quan quản lý nhà nước:** Tuân thủ pháp luật, thực hiện tốt nghĩa vụ nộp ngân sách, cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu.

**Trách nhiệm:**

Tuân thủ pháp luật của Việt Nam và các quốc gia mà DRI đầu tư, Công nhận quyền lợi của các bên liên quan theo quy định của Pháp luật;

Trách nhiệm Giải trình:

Đảm bảo việc hoạch định chiến lược cho Công ty, thực thi việc giám sát có hiệu quả hoạt động của HĐQT, đảm bảo việc giải trình của HĐQT đối với cổ đông và các bên liên quan;

Công bằng:

Đối xử công bằng với tất cả cổ đông kể cả cổ đông nhỏ lẻ;

Bền vững:

Đảm bảo lợi ích bền vững cho các bên liên quan, đảm bảo hài hòa giữa phát triển Công ty và phát triển kinh tế - xã hội và môi trường;

Minh bạch:

Đảm bảo việc công khai thông tin về các vấn đề liên quan tới doanh nghiệp theo quy định kịp thời và chính xác. Ngoài việc công bố thông tin theo quy định của thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015, DRI còn chủ động công bố những thông tin liên quan đến hoạt động của Công ty hàng tháng để các nhà đầu tư biết. Trong năm 2020, HĐQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con, qua đó đảm bảo hoạt động của Công ty ngày một minh bạch, hiệu quả hơn.

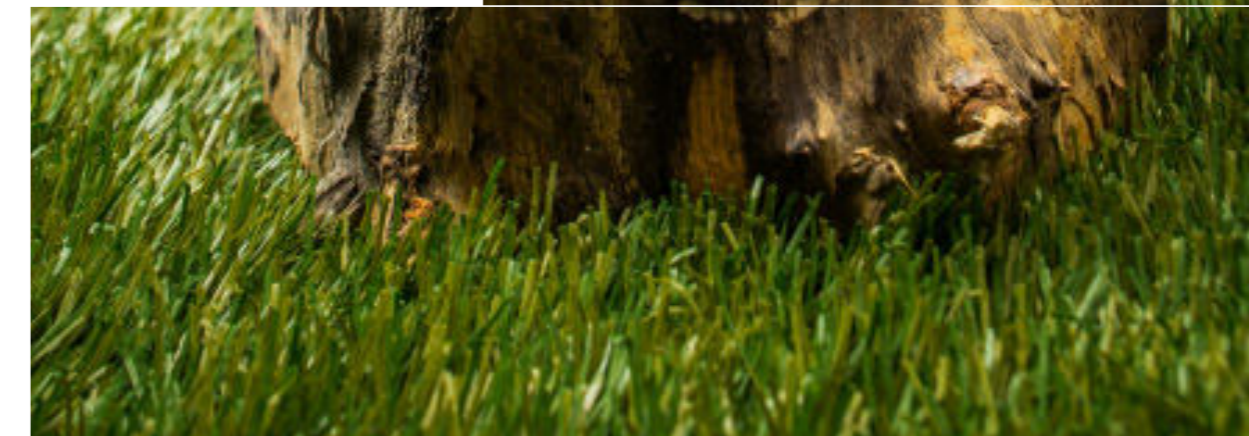
Ngắn hạn (năm 2020)

- Tiếp tục hoàn thiện việc xây dựng các trạm thu mủ trong lô cao su theo kế hoạch nhằm giảm thời gian lao động trên vườn cho người lao động, tận thu mủ tránh thủng, tránh ô nhiễm cục bộ tại khu dân cư;
- Thay đổi các quy trình quản lý, sản xuất kinh doanh hướng đến mục tiêu Phát triển bền vững;
- Tạo việc làm cho dân cư trong vùng dự án, góp phần phát triển kinh tế-xã hội địa phương;
- Thay đổi cách tiếp cận với người lao động, dân bản trong vùng dự án nhằm tăng cường sự hiệu quả của việc truyền tải thông tin;
- Cải tạo hệ thống xử lý nước thải, thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận ISO 14000;
- Xây dựng môi trường làm việc an toàn;
- Công khai, minh bạch thông tin.

Giai đoạn 2021 – 2022 tầm nhìn 2054

- Hoàn thiện các công việc theo quy định của ISO 14000, mời tư vấn đánh giá công nhận hệ thống đạt chuẩn;
- Triển khai việc đào tạo về kết nối cộng đồng, xây dựng bản đồ theo công nghệ GIS ;
- Triển khai các quy trình quản lý và sản xuất mới; khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại vườn điều, khu vực Mường Khoong, ChămPasāk, Lào;
- Thực hiện các nội dung theo kế hoạch Phát triển bền vững giai đoạn 2, phần đầu cuối năm 2021 mời đánh giá thử, năm 2022 được chứng nhận FSC (nếu dịch bệnh Covid -19 được ngăn chặn);
- Duy trì các hoạt động của Công ty theo các quy định của FSC và thường xuyên cập nhật các quy định mới của FSC, công ước quốc tế để cải tiến hệ thống ngày một hiệu quả hơn.

- **Cổ đông/nhà đầu tư:**
Gặp gỡ trực tiếp, thông qua ĐHĐCĐ, Fanpage, Website;
- **Người Lao động:**
Gặp trực tiếp, hội nghị người lao động, các chương trình đào tạo, tổ chức công đoàn, số hotline;
- **Khách hàng:**
Thông qua đội ngũ bán hàng, gặp gỡ trực tiếp khách hàng, các buổi gặp mặt khách hàng hàng năm do Hiệp hội cao su tổ chức;
- **Đối tác/nhà cung cấp:**
Gặp gỡ trực tiếp;
- **Cộng đồng:**
Bản trường, tham gia họp cộng đồng, các buổi tham vấn cộng đồng, công khai số điện thoại hotline;
- **Cơ quan quản lý:**
Thông qua các buổi họp, gặp mặt do Chính phủ, các Bộ, Sở Ban ngành tổ chức.



HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ

Cổ đông/nhà đầu tư:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Hoạt động kinh doanh tăng trưởng bền vững, hiệu quả.	Quản trị tốt giá thành đảm bảo kinh doanh có lãi trong điều kiện ngành cao su năm 2020 tiếp tục bất lợi về sản lượng và giá bán; Chi trả cổ tức cho cổ đông trong điều kiện cho phép;	Mặc dù tình hình kinh doanh không thuận lợi, Công ty vẫn đảm bảo chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế, chia cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ chia cổ tức đạt 90% kế hoạch; Hàng tháng đều công bố thông tin về tình hình hoạt động của Công ty trên Website, Fanpage DRI. Cung cấp thông tin về hoạt động của Công ty hàng tháng;
Đối xử bình đẳng và đảm bảo quyền lợi cổ đông.	Thông tin về đại hội đồng cổ đông, tình hình kinh doanh của Công ty đều được công bố công khai tới tất cả các cổ đông, Các kiến nghị của cổ đông đều được tiếp thu và phản hồi kịp thời tại các kỳ đại hội hoặc trả lời bằng văn bản/email khi cổ đông gửi kiến nghị tới Công ty;	Trong năm có 02 kiến nghị của cổ đông về đề nghị tạm ứng cổ tức, và Đơn kiến nghị của Bà Nguyễn Thị Thu (địa chỉ Hoàng Mai, Hà Nội), qua xác minh thì Bà Thu không phải là cổ đông của Công ty và các nội dung kiến nghị về thanh lý gỗ cao su tại Đắc Lắc, công tác đấu thầu mua sắm vật tư, phân bón... thì tại DRI không có.
Tuân thủ luật pháp, thông tin minh bạch.	Hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ luật pháp; Đảm bảo các quy định về công bố thông tin; Cải tạo nâng cấp website theo hướng để cổ đông dễ dàng truy cập và tìm kiếm thông tin khi cần thiết; Bên cạnh công bố thông tin trên website, Công ty còn xây dựng và duy trì việc cung cấp thông tin trên trang fanpage DRI để các cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận với thông tin một cách nhanh nhất;	Trong năm 2020 Công ty không vi phạm các quy định liên quan đến pháp luật; Đã hoàn thành việc nâng cấp và đưa website mới vào sử dụng;

Khách hàng:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Chất lượng ổn định, đáp ứng nhu cầu khách hàng. Tăng cường chỉ tiêu xuất khẩu.	Không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, giảm khiếu nại của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty; Tích cực tìm kiếm khách hàng, gia tăng bán sản phẩm SVR CV là những loại cao cấp có giá trị giá tăng cao.	Sản phẩm đã xâm nhập vào những thị trường khó tính như Mỹ, EU,... Tỷ lệ xuất khẩu đạt 62,88% đạt 104,8 % kế hoạch trong đó hàng SVRCV, chiếm tỷ lệ 8,2% tổng sản lượng xuất bán, tăng 12% khối lượng so với năm 2019; Trong năm không có khiếu nại nào của khách hàng về sản phẩm và dịch vụ của Công ty;

Người lao động:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp; Chế độ đãi ngộ tốt; Cơ hội đào tạo, phát triển nghề nghiệp.	Phân quyền và trách nhiệm cho nhân viên; Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các chế độ bảo hiểm khác; Được tham gia các khóa đào tạo nâng cao kiến thức, kỹ năng làm việc.	Trong năm 2020 đã đào tạo 3.381 người với tổng số giờ đào tạo 185.536 giờ Mức lương bình quân trả cho người lao động năm 2020 đối với gián tiếp là 16,65 triệu đồng/người/tháng tăng 11,15% so năm 2019 (năm 2019 mức lương bình quân là 14,98 triệu đồng/người/tháng); lao động trực tiếp bình quân là 5,42 triệu đồng/ng/tháng tăng 0,74% so năm 2019 và cao hơn so với mức thu nhập chung bình quân của người Lào. CBCNV được tham gia đầy đủ các khoản BHXH, BHYT, BHCN.

Cơ quan quản lý:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Thực hiện đúng pháp luật trong sản xuất kinh doanh; Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách, thuế.		Không bị xử phạt do vi phạm pháp luật; Thực hiện nộp ngân sách nhà nước Việt Nam và Lào 28,35 tỷ đồng tăng 4,8% so năm 2019 (năm 2019 nộp ngân sách 27,05 tỷ đồng).

HÀNH ĐỘNG CỤ THỂ

Cộng đồng:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Hỗ trợ sinh kế; Hỗ trợ nâng cao kinh tế địa phương.	Ưu tiên tuyển dụng người dân trong vùng dự án để tạo sinh kế ổn định và lâu dài cho người dân; Tại mỗi Nông trường đều có trạm y tế của Công ty để hỗ trợ sơ cứu ban đầu, tham gia cùng y tế địa phương về tuyên truyền phòng chống bệnh dịch; Hỗ trợ các công trình tôn giáo, đường, trường...cho các bản trong vùng dự án...	Hỗ trợ mua bàn ghế và làm hàng rào cho trường tiểu học Bản Mây Si Vi Lay Tỉnh ChămPasăk và các hỗ trợ khác với tổng chi phí khoảng 300 triệu đồng;
Hoạt động sản xuất kinh doanh có trách nhiệm, bảo vệ môi trường.	Đầu tư hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy chế biến; Thuê tư vấn xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001; Sử dụng tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu, tái chế nguyên vật liệu;	Công ty đầu tư hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo nước thải đạt chuẩn khi xả thải ra môi trường; Đang thực hiện xây dựng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.001 phấn đấu năm 2021 được chứng nhận;

Đối tác, nhà cung ứng:

Các nội dung được quan tâm	Hành động của DRI năm 2020	Kết quả
Đối xử công bằng. Có chỉ tiêu đánh giá rõ ràng; Tôn trọng cam kết.	Xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhà cung ứng, công khai minh bạch; Thực hiện đúng hợp đồng cam kết;	Các nhà cung ứng vẫn tiếp tục đồng hành cùng với Công ty; HQQT Công ty đã ban hành Quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con;



CÁC NỘI DUNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG THEO 17 TIÊU CHÍ CỦA LIÊN HIỆP QUỐC (ĐẾN NĂM 2030)



Tiêu chí 1

Xóa nghèo: Chấm dứt nghèo nàn trong tất cả hình thức ở mọi nơi.

Hành động của DRI

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án.
- Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng.
- Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngắn ngày sang làm công nhân cao su.

Kết quả đạt được

- Năm 2020 Công ty đã tạo việc làm cho 2.294 lao động trong đó có 2.050 lao động là người Lào. Phát triển hoàn thiện dự án trồng cây ăn quả tại Cư Kpo, Krong Buk, Việt Nam tạo việc làm mới cho 47 lao động làm việc thường xuyên, chưa kể lao động mùa vụ.
- Thu nhập bình quân của công nhân cao su trong năm 2020 là 5,42 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 16,65 triệu đồng/người/tháng, cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào.



Tiêu chí 2

Xóa đói: Chấm dứt nạn đói, đạt được an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững.

Hành động của DRI

- Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong vùng dự án;
- Tạo sinh kế, thu nhập ổn định cho người dân trong vùng;
- Góp phần thay đổi nếp sống từ phụ thuộc vào rừng, trồng những cây công nghiệp ngăn ngày sang làm công nhân cao su.

Kết quả đạt được

- Năm 2020 Công ty đã tạo việc làm cho 2.294 lao động trong đó có 2.050 lao động là người Lào. Phát triển hoàn thiện dự án trồng cây ăn quả tại Cư Kpo, Krong Buk, Việt Nam tạo việc làm mới cho 47 lao động làm việc thường xuyên, chưa kể lao động mùa vụ.
- Thu nhập bình quân của công nhân cao su trong năm 2020 là 5,42 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 16,65 triệu đồng/người/tháng, cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào.



Tiêu chí 3

Sức khỏe tốt cuộc sống hạnh phúc: Chấm dứt nạn đói, đạt được an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy nông nghiệp bền vững.

Hành động của DRI

- Từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động;
- Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động;
- Thực hiện đóng các loại Bảo hiểm bắt buộc cho người lao động;
- Không sử dụng các loại hóa chất trong sản xuất, chế biến ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động, người tiêu dùng;



Kết quả đạt được

- Tất cả người lao động đều tham gia BHXH, BHYT;
- Năm 2020 Công ty tiếp tục mua BHCN cho toàn thể CBCNV có hợp đồng lao động từ 1 năm trở lên;
- Thực hiện tốt an toàn vệ sinh lao động;
- Tất cả công nhân viên được khám sức khỏe định kỳ;
- Chỉ sử dụng những hóa chất trong sản xuất, chế biến được phép của nhà nước và phù hợp với quy định Quốc tế;
- Xây dựng quy trình quản lý, sử dụng hóa chất hợp chuẩn.



Tiêu chí 4

Giáo dục chất lượng: Đảm bảo giáo dục chất lượng toàn diện và công bằng, thúc đẩy cơ hội học tập suốt đời cho mọi người.

Hành động của DRI

Tổ chức các khóa đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn, quản lý, ... cho CBCNV, phối hợp tổ chức khóa học về phương pháp làm việc với cộng đồng cho 1 số bản trưởng.

Kết quả đạt được

- Trong năm 2020 mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 nên một số khóa đào tạo phải hoãn lại hoặc hủy bỏ, tuy nhiên trong khoảng thời gian phù hợp kết hợp với các biện pháp phòng chống lây nhiễm Công ty tổ chức và cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo cho 3381 lượt người với số giờ đào tạo 185.536 giờ. Các nội dung đào tạo bao gồm: xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015; cập nhật chính sách về Hợp đồng lao động, Tiền lương và BHXH; Hội nghị tập huấn chuyên sâu về các cam kết trong Hiệp định CPTPP và EVFTA; Hội nghị triển khai áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam; đào tạo kiểm nghiệm viên mũ cao su SVR cho CBNV phòng kiểm phẩm; đào tạo thợ cạo,....
- Đối với cộng đồng Công ty hỗ trợ mua bàn ghế và xây tường rào cho trường tiểu học Bản Mây Si Vi Lay tỉnh ChămPaSak với số tiền khoảng 45 triệu đồng;



Tiêu chí 5

Bình đẳng giới : Đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái.

Hành động của DRI

Không phân biệt đối xử giữa lao động Nam và Nữ, giữa người lao động người Việt Nam và lao động người Lào, không tuyển dụng và sử dụng lao động là trẻ em.

Kết quả đạt được

- Tỷ lệ Nam, nữ tham gia HĐQT (khoản 1 điều 13- ND 71/2017-ND-CP ngày 6/6/2017)
 - Nam : 5 người/7 chiếm 71,42%
 - Nữ : 2 người/7 chiếm 28,58%
- Tỷ lệ lao động Nam và Nữ năm 2020:
 - Nam : 1.358 người chiếm 59,2%
 - Nữ : 936 người chiếm 40,8%.



Tiêu chí 6

Nước sạch & vệ sinh: Đảm bảo quản lý bền vững và cung cấp nước, điều kiện vệ sinh cho tất cả mọi người.

Hành động của DRI

- Tuân thủ các yêu cầu của Pháp luật;
- Sử dụng nguồn nước hiệu quả và có trách nhiệm;
- Nước thải từ chế biến được xử lý đảm bảo đủ điều kiện khi thải ra môi trường;
- Tái sử dụng nước trong chế biến;
- Tại khu vực làm việc đều xây dựng khu vệ sinh riêng đạt chuẩn;

Kết quả đạt được

- Trong năm 2020 Công ty không bị các cơ quan có thẩm quyền nhắc nhở hay xử phạt về xử lý nước thải hay các vấn đề về ô nhiễm môi trường khác;
- Cải tạo lại hệ thống mương tại dây chuyền mũ nước theo hướng tiết kiệm nước. Tái sử dụng 25% lượng nước trong chế biến ở dây chuyền mũ nước;
- Văn phòng làm việc và các đơn vị đều sử dụng nước máy làm nước sinh hoạt, có khu vệ sinh riêng đạt chuẩn;
- Xây dựng bể tích mũ và bồn tráng thùng tại lô để công nhân khai thác rửa thùng trước khi mang về nhà, tránh tình trạng công nhân mang thùng mũ ra rửa tại sông, suối hay mang về nhà rửa dẫn đến ô nhiễm cục bộ tại địa phương;
- Áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt cho chuối và sầu riêng giúp tiết kiệm đáng kể lượng nước tưới; đồng thời chủ động điều tiết được lượng nước và phân bón cho cây trồng giúp cây sinh trưởng phát triển tốt.





Tiêu chí 7

Năng lượng sạch & giá hợp lý: Đảm bảo tiếp cận năng lượng giá hợp lý, đáng tin cậy, bền bỉ và hiện đại cho tất cả mọi người.

Hành động của DRI

Công ty đang nghiên cứu sử dụng năng lượng tái tạo trong chế biến và sử lý nước thải tại Lào (nhưng chính sách của Lào chưa mua điện mặt trời).

Kết quả đạt được

- Thường xuyên chỉ đạo cải tiến dây chuyền chế biến; sử dụng điện tiết kiệm để giảm tiêu hao điện năng và nhiên liệu.
- Bổ sung một số tôn nhựa sáng trong nhà máy, kho chứa công cụ dụng cụ thay cho tôn kẽm để lấy sáng tự nhiên ban ngày từ đó giảm đáng kể lượng điện thấp sáng hướng đến tiết kiệm năng lượng đồng hành cùng Chính phủ, Công ước Quốc tế về xây dựng nền công nghiệp xanh, thân thiện môi trường.



Tiêu chí 8

Tăng trưởng kinh tế & việc làm bền vững: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững & toàn diện, liên tục, tạo việc làm đầy đủ, hiệu quả, bền vững cho mọi người.

Hành động của DRI

- Nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm.
- Phát triển kinh tế địa phương.
- Bảo vệ quyền lao động; đảm bảo môi trường làm việc an toàn.

Kết quả đạt được

- Tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động 8,15% thuộc nhóm thấp nhất ngành;
- Năng suất mủ cao su vườn cây trung bình 1,80 tấn/ha giảm so với các năm trước nhưng vẫn thuộc nhóm năng suất cao trong ngành cao su;
- Tạo việc làm cho 2.294 lao động trong đó 2.050 lao động là người Lào với thu nhập bình quân gián tiếp 16,65 triệu đồng/ng/tháng, lao động trực tiếp 5,42 triệu đồng/ng/tháng;
- Hỗ trợ quỹ phòng chống bão lụt của Tỉnh Đăk Lăk 100 triệu đồng, ủng hộ đồng bào miền Trung Việt Nam bị ảnh hưởng bão lũ với số tiền hơn 200 triệu đồng và nhiều hỗ trợ địa phương khác;



Tiêu chí 9

Công nghiệp, sáng tạo & hạ tầng: Xây dựng cơ sở hạ tầng vững chắc, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện, bền vững & khuyến khích đổi mới.

Hành động của DRI

- Ứng dụng công nghệ hiện đại trong sản xuất nhằm sử dụng hiệu quả các nguồn lực;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý;
- Ứng dụng các công cụ quản lý tiến tiến vào sản xuất và kiểm tra chất lượng sản phẩm.

Kết quả đạt được

- Toàn bộ diện tích trồng chuối và sầu riêng trong cao su được áp dụng hệ thống tưới nhỏ giọt của Israel nên đã sử dụng hiệu quả nguồn nước và phân bón, tiết kiệm nhân công. Thu hoạch quả qua hệ thống ròng rọc, xe cày chuyên dụng để giảm lao động nặng nhọc, bảo đảm chất lượng sản phẩm. Xây dựng hồ xúc rửa đảm bảo tiêu chuẩn;
- Nhà máy chế biến cao su: Trang bị máy dò kim loại tại dây chuyền mủ phụ để phát hiện kịp thời kim loại lẫn trong mủ;
- Từng bước ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý như phần mềm kế toán, phần mềm quản lý cổ đông, phần mềm kiểm phiếu, phần mềm kế toán,...
- Xây dựng kế hoạch đào tạo và sử dụng Công nghệ GIS trong quản lý đất đai;
- Công ty được công nhận hệ thống quản lý theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015 và phòng kiểm phẩm đạt chuẩn ISO/IEC 17025.





Tiêu chí 10

Giảm bất bình đẳng: Giảm bất bình đẳng trong quốc gia và giữa các quốc gia.

Hành động của DRI

- Không phân biệt đối xử;
- Tạo thu nhập ổn định đặc biệt là vùng nông thôn;
- Góp phần phát triển kinh tế, xã hội địa phương;
- Tôn trọng quyền của người bản địa.

Kết quả đạt được

- Tỷ lệ lao động giữa Nam và Nữ trong công ty không chênh lệch nhiều;
- Các vùng Công ty trồng cây cao su đa số là vùng sâu, vùng xa, trước đây người dân chủ yếu sống phụ thuộc vào rừng và cây nông nghiệp ngắn ngày, tập quán canh tác lạc hậu, hiện nay thu nhập bình quân của công nhân trực tiếp khoảng 5,42 triệu đồng/người/tháng, lao động gián tiếp lương bình quân 16,65 triệu đồng/người/tháng và cao hơn so với mặt bằng chung thu nhập của người dân Lào, ngoài ra đây là nguồn thu nhập ổn định vì vậy góp phần nâng cao đời sống, góp phần giảm khoảng chênh lệch giàu nghèo giữa khu vực nông thôn và thành thị;
- Trong quá trình triển khai dự án Công ty luôn tôn trọng quyền của người bản địa, trước đây khi khai hoang, Công ty luôn tránh phần rừng thiên, rừng cộng đồng của người dân địa phương, đa số người dân Lào theo đạo Phật, Công ty cũng hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình tâm linh như chùa, ..



Tiêu chí 11

Thành phố, cộng đồng bền vững: Làm cho thành phố & khu vực sinh sống của con người trở lên toàn diện, an toàn, linh động và bền vững.

Hành động của DRI

- Phát triển nông thôn bền vững;
- Đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn;
- Giảm tác động có hại của môi trường tới con người và vật nuôi, tăng cường quản lý chất lượng không khí và các nguồn chất thải khác.

Kết quả đạt được

- Tạo sinh kế ổn định thông qua việc tuyển dụng lao động cho người dân trong vùng dự án;
- Từng bước cải thiện môi trường làm việc, tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động;
- Năm 2019 Công ty đầu tư xây dựng hệ thống nước thải tại Nhà máy chế biến cao su đạt chuẩn, tiến tới xây dựng hệ thống quản lý môi trường được công nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015 vào năm 2021;
- Vườn cây cao su góp phần phủ xanh đất trống đồi trọc, cải thiện chất lượng không khí, Công ty hướng tới đa dạng sinh học bằng cách trồng thêm cây bản địa, cây rừng tại những vùng đất khép hộc, các vùng rẻo không trồng cao su hoặc những vùng đất xấu trồng cây cao su không hiệu quả, chuyển 450 ha cây điều tại Mường Khoong kém hiệu quả để khoanh nuôi thành rừng tự nhiên cùng sinh cảnh; Diện tích chuối trồng xen trong cao su đã trả lại đất lượng lớn sinh khối, tạo lớp thảm phủ hữu cơ dày góp phần tăng độ mùn giúp cho đất màu mỡ, chống xói mòn, cây cao su phát triển tốt hơn so với trồng thuần, giảm đáng kể lượng phân bón.



Tiêu chí 12

Tiêu dùng & sản xuất có trách nhiệm: Đảm bảo các mô hình sản xuất & tiêu dùng bền vững.

Hành động của DRI

- Hướng tới lựa chọn những nhà cung ứng có trách nhiệm;
- Nước thải nhà máy đạt chuẩn trước khi thải ra môi trường;
- Tái sử dụng nguyên vật liệu;
- Phát động phong trào giảm rác thải nhựa, dọn vệ sinh nơi công sở, văn phòng làm việc, trồng cây xanh,...

Kết quả đạt được

- Như ý c,d tiêu chí 11.
- Thay thế dần pallet gỗ bằng pallet sắt để có thể tái sử dụng nhiều lần nhằm giảm chi phí, giảm sử dụng quá nhiều nguyên vật liệu từ gỗ.
- Các nhóm nguyên vật liệu liên quan đến chế biến sản phẩm của Công ty gồm nhóm các vật tư chế biến như dầu diezen, túi nilon PE, thảm PE, mạc PE; các vật tư hóa chất như acid đánh đông, Bisunfit, HNS, ammoniac, ..và điện nước dùng trong chế biến. Trong các nguyên vật liệu trên đối với loại vật liệu thảm PE Công ty tái sử dụng được khoảng 15% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mũ nước và 25% đối với sản phẩm sản xuất từ dây chuyền mũ phụ. Tái sử dụng nước khoảng 25% (dây chuyền mũ nước), từng bước chuyển sang sử dụng những hóa chất ít tác hại đến môi trường, trong năm các hóa chất trong chế biến sử dụng tiết kiệm 31% so với định mức, không sử dụng những hóa chất mà Nhà nước Lào và Quốc tế cấm.
- Năm 2019 Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường.
- Khối văn phòng Công ty mẹ và công ty con không sử dụng chai nhựa đựng nước chuyển sang dùng chai thủy tinh, hàng năm tích cực tham gia lễ trồng cây tại Lào, định kỳ toàn bộ CBCNV tham gia dọn dẹp vệ sinh nơi công sở và khu nhà tập thể,...
- Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất cao su theo Tài liệu hướng dẫn sản xuất cao su bền vững của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam, phù hợp với thực tế đơn vị và các quy định của Nhà nước Lào, công ước Quốc tế. Hướng đến sản xuất cao su sạch hơn, bền vững, thân thiện với môi trường;
- Hàng năm Công ty đóng góp vào Quỹ phòng chống bão lụt tại Việt Nam và Lào với số tiền 130 triệu đồng;



Tiêu chí 13

Hành động bảo vệ khí hậu:

Hành động khẩn cấp để ứng phó biến đổi khí hậu và các tác động của nó.

Hành động của DRI

Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.

Kết quả đạt được

- Năm 2020 Công ty con tại Lào đã thực hiện rà soát toàn bộ diện tích rừng nằm xen kẽ hay liền kề vùng dự án như rừng thiên, rừng đầu nguồn, ... để hướng tới cộng tác cùng với chính quyền địa phương trong việc quản lý rừng. Ngoài ra, những diện tích đất xấu phát triển cao su không hiệu quả, Công ty từng bước trồng thêm cây bản địa, để thảm thực vật tự nhiên để từng bước chuyển thành rừng cùng sinh cảnh;
- Từng bước hướng tới sử dụng năng lượng tái tạo, giảm tiêu hao năng lượng, giảm dần sử dụng năng lượng hóa thạch như dầu đốt, ...góp phần giảm phát thải CO2 từ đó giảm hiệu ứng nhà kính góp phần gìn giữ bầu khí quyển chung của trái đất.
- Phần đầu đến năm 2022 được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế FSC nếu trường hợp dịch bệnh Covid-19 được ngăn chặn.



Tiêu chí 14

Cuộc sống dưới nước: Bảo tồn và sử dụng bền vững các đại dương, biển và các nguồn tài nguyên biển.

Hành động của DRI

Quản lý tốt nước thải và sử dụng hóa chất trong nông nghiệp, góp phần bảo vệ đại dương và tài nguyên biển.

Kết quả đạt được

- Như ý c, tiêu chí 11, tiêu chí 13;
- Hạn chế và chỉ sử dụng các hóa chất trong sản xuất và chế biến đảm bảo các quy định của nước sở tại, phù hợp với các tiêu chuẩn Quốc tế; Năm 2019, Công ty đã đầu tư xây dựng cải tạo hệ thống xử lý nước thải tại nhà máy, nước thải sau chế biến đủ điều kiện để xả thải ra môi trường;
- Phát động phong trào giảm rác thải nhựa tại cơ quan và gia đình CBCNV;
- Tham gia tích cực phong trào Tết trồng cây Tại nước bạn Lào.



Tiêu chí 15

Cuộc sống trên mặt đất: Bảo vệ các hệ sinh thái, quản lý bền vững rừng, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái đất và mất đa dạng sinh học.

Hành động của DRI

- Bảo vệ tối đa thảm thực vật, thực hiện trồng xen, đa dạng thảm thực vật để chống xói mòn;
- Hướng tới được cấp chứng nhận về quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế.

Kết quả đạt được

- Như tiêu chí 13,14;
- Chuyển đổi những vùng đất kém hiệu quả, đất rẻo, khấp hộc và vườn điều kém hiệu quả thành rừng nhằm tăng diện tích che phủ trên mặt đất, đa dạng sinh học, chống xói mòn;
- Cải tiến quy trình kỹ thuật sản xuất chế biến cao su theo hướng bền vững, thay phương pháp làm sạch cỏ trên vườn bằng quản lý cỏ, phát cỏ, giảm thiểu sử dụng hóa chất,.. nhằm giữ độ ẩm cho đất, chống xói mòn, ngăn chặn suy thoái đất;
- Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại vườn điều kém hiệu quả ở Mường Khoong, ChămPaSăk, Lào.
- Việc trồng xen chuối và sầu riêng trong vườn cao su đã trả lại một lượng lớn tàn dư thực vật, góp phần tăng độ mùn, giữ ẩm tạo môi trường cho vi sinh vật phát triển.





Tiêu chí 16

Xã hội hòa bình: Thúc đẩy xã hội hòa bình, cung cấp quyền tiếp cận tư pháp cho tất cả mọi người, xây dựng thể chế hiệu quả, trách nhiệm và toàn diện ở tất cả các cấp.

Hành động của DRI

- Chống phân biệt đối xử;
- Không sử dụng lao động trẻ em;
- Xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại, tạo đường dây nóng tại Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- Tham vấn cộng đồng về các dự án của Công ty có liên quan đến cộng đồng, quan hệ mật thiết, trao đổi thông tin giữa Công ty và các bản trong vùng dự án;

Kết quả đạt được

- Như tiêu chí 5;
- Xây dựng quy chế về sử dụng lao động trong đó quy định rõ không tuyển dụng lao động trẻ em;
- Xây dựng quy chế xử lý khiếu nại, công khai đường dây nóng, thay đổi cách tiếp cận với người lao động và người dân bản địa về phổ biến các chính sách của Công ty;
- Tham gia các buổi họp với các bản trong vùng dự án, định kỳ hàng tháng đều có báo cáo thông tin với các bản trong vùng dự án về tình hình tuyển dụng, sử dụng lao động, thu nhập các chính sách về bảo hiểm, xử lý kỷ luật lao động;
- Xây dựng quy chế về tham vấn cộng đồng, xây dựng kế hoạch về đào tạo Quan hệ cộng đồng cho CBCNV các đơn vị có làm việc trực tiếp với cộng đồng;
- Tuân thủ các quy định của Pháp luật.



Tiêu chí 17

Quan hệ đối tác toàn cầu: Tăng cường các phương tiện thực hiện và tạo sức sống mới cho các đối tác toàn cầu để Phát triển bền vững.

Hành động của DRI

Tăng cường hợp tác với các tổ chức Phi chính phủ, Hiệp hội trong việc xây dựng doanh nghiệp theo hướng Phát triển bền vững.

Kết quả đạt được

Công ty nỗ lực mở rộng quan hệ với các Hiệp hội, tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam cũng như nước bạn Lào để cùng trao đổi, hợp tác trong việc phát triển cộng đồng, bảo vệ môi trường,... hướng tới xây dựng nền tảng sản xuất bền vững.

Vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong việc hoạch định mục tiêu chiến lược và Phát triển bền vững

- Tháng 7/2018, HĐQT đã ra nghị quyết về phát triển công ty theo hướng Phát triển bền vững đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan trên cơ sở hài hòa 3 chỉ tiêu: Kinh tế - Xã hội- Môi trường;
- Rà soát, đánh giá lại tác động của dự án đến người dân và các bên liên quan;
- Ban hành kế hoạch hành động Phát triển bền vững cho giai đoạn 2018-2021 & kế hoạch chi tiết cho quý 4 -2018 và năm 2019;
- 30/12/2019 tiếp tục ban hành kế hoạch Phát triển bền vững giai đoạn 2, phần đầu năm 2022 được cấp chứng nhận FSC;
- Giám sát việc tổ chức triển khai các kế hoạch Phát triển bền vững đã ban hành, thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện hàng quý, năm.



Vai trò của Ban điều hành DRI và Daklaoruco trong việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về Phát triển bền vững

- Xây dựng kế hoạch hành động chi tiết, dự trù kinh phí và nhân lực để thực hiện trên cơ sở các nghị quyết, chủ trương của HĐQT, ĐHQĐ;
- Báo cáo kết quả triển khai và đề xuất các giải pháp thực hiện.



Vai trò của Ban kiểm soát

Kiểm tra giám sát việc thực thi các nghị quyết của HĐQT về Phát triển bền vững, việc triển khai của Ban điều hành trên cơ sở tuân thủ pháp luật và các quy định của HĐQT, ĐHQĐ.





04

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc về ý kiến Kiểm toán

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CHUNG

Năm 2020 dưới tác động của dịch Covid-19, ngay từ thời điểm đầu năm đã ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các hoạt động kinh tế bị đình trệ, chuỗi cung ứng bị gián đoạn, nguồn lao động bị hạn chế,... có thời điểm Công ty không bán được hàng. Vườn cây cao su của Công ty nằm tại Nước bạn Lào, trong bối cảnh ảnh hưởng của dịch Covid-19 nước bạn tăng tỷ lệ nhập siêu nên việc duy trì chính sách tỷ giá thấp để hỗ trợ nhập khẩu đã làm tăng lỗ chênh lệch tỷ giá, từ đó tác động tiêu cực đến chỉ tiêu lợi nhuận. Năm 2020, Công ty không hoàn thành chỉ tiêu sản lượng do thời gian nghỉ cạo nhiều vì thiếu lao động (NT2, 4 phải dừng cạo gần 1 tháng do chủ trương giãn cách xã hội tại tỉnh Salaval, mưa bão nhiều vào tháng 10 là tháng cho sản lượng cao), vườn kinh doanh 9,10 đang ở bản cạo thấp nên năng suất thấp,... Sản lượng Chuối quả thu hoạch năm 2020 giảm, chỉ đạt 71,2 %/KH do bệnh đốm lá sigatoka, thời gian sinh trưởng của chuối kéo dài nên khoảng 30% sản lượng bị kéo qua quý 1/2021. Chuối quả thu hoạch phải chuyển sang tiêu thụ trong nước, giảm sản lượng xuất khẩu, vì các nước hạn chế nhập do dịch Covid-19 ...

Bên cạnh những điểm tối, những khó khăn chung của nền kinh tế nói chung thì DRI vẫn có những điểm sáng, đạt được những mặt tích cực: Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 99,20%KH trong bối cảnh sản lượng chỉ đạt 95%KH, doanh thu đạt 84,13% KH. Tình hình tài chính liên tục được cải thiện qua các năm với số nợ giảm dần, từ đó giảm dần tỷ trọng chi phí lãi vay trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su đạt 62,88% vượt mức HDQT giao.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	%TH2020/KH2020
1	Khai thác/ thu hoạch				
	Cao su	Tấn khô	16.000	15.206	95,04
	Điều	Tấn tươi	213	218,57	102,62
	Chuối	Tấn quả	4.590	3.268	71,20
2	Doanh thu	Tỷ đồng	524,65	441,40	84,13
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	34,27	33,99	99,20
4	Tỷ lệ xuất khẩu/tổng lượng hàng bán	%	60%	62,88%	104,8
5	Giá vốn hàng bán				
	Cao su	Triệu đồng/tấn	28,65	28,25	98,58
6	Thu nhập bình quân				
	Gián tiếp	Tr đ/người/tháng	15,25	16,65	109,18
	Trực tiếp	Tr đ/người/tháng	5,7	5,42	95,09

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

- » Về chất lượng sản phẩm: Sản phẩm của Công ty được kiểm nghiệm bởi hệ thống phòng kiểm nghiệm được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO/IEC 17025, được quản lý bởi hệ thống quản lý được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Công ty luôn chú trọng chất lượng sản phẩm bán cho khách hàng, duy trì sự ổn định của chất lượng, luôn lắng nghe và đồng hành cùng khách hàng. Trong năm 2020 Công ty không có khiếu nại nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm hay dịch vụ của Công ty;
- » Đánh giá của khách hàng về chất lượng sản phẩm của Công ty: Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19, cửa khẩu Biên giới Việt - Lào thực hiện lệnh cách ly 14 ngày ảnh hưởng đến công tác vận chuyển hàng hóa, tình trạng thiếu container, tàu vận chuyển ảnh hưởng đến việc giao hàng cho khách hàng. Tuy nhiên, DRI vẫn đạt được con số ấn tượng về tỷ lệ xuất khẩu với tỷ lệ 62,88% vượt 4,8 % kế hoạch HDQT giao, tỷ trọng xuất bán SVRCV là sản phẩm tốt có giá trị gia tăng cao tăng từ 7,4% năm 2019 lên 8,2 % năm 2020. Sản phẩm của DRI đã có mặt tại những thị trường khó tính như Mỹ, EU, Hàn quốc,... Đặc biệt, tại thị trường Mỹ, tỷ lệ xuất vào thị trường này chiếm tỷ trọng gần 15% trên tổng lượng hàng tiêu thụ và năm 2020 là năm thứ 2 liên tục DRI được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam về xuất khẩu cao su tính theo kim ngạch xuất khẩu theo số liệu của Tổng cục Hải quan (xếp thứ 34/50).
- » Về giống và chất lượng vườn cây: Giống cao su mới cho năng suất và sản lượng cao, tỷ lệ ghép và tỷ lệ sống cao (>90%), vườn cây sinh trưởng phát triển tốt,... Đây chính là những yếu tố quyết định giúp cho sản lượng vườn cây của Công ty luôn cao, giảm được giá thành sản phẩm.



TỶ LỆ XUẤT KHẨU CAO SU QUA CÁC NĂM

Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018	2019	2020
Tổng lượng tiêu thụ	Tấn	17.341	16.791,8	17.475,88	14.273,05
Xuất khẩu	Tấn	1.651	6.085,2	10.536,1	8.974,84
Bán nội địa	Tấn	15.690	10.706,6	6.939,82	5.298,21
Tỷ lệ xuất khẩu	%	9,52	36,24	60,29	62,88



ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

Tỷ lệ lao động gián tiếp là 8,15%, Đội ngũ CBCNV chủ yếu là những người trẻ, năng động, có tay nghề và tâm huyết với công việc. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo (HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc DRI và Daklaoruco) là những cán bộ lâu năm, tâm huyết với nghề, dày dặn kinh nghiệm. Hàng năm, Công ty đều chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, nghiệp vụ cho CBCNV.

CÔNG TÁC CHẾ BIẾN

» Tổng khối lượng mù chế biến trong năm 2020 đạt: 15.031,53 tấn

» Khối lượng sản phẩm mù cao su chế biến năm 2020

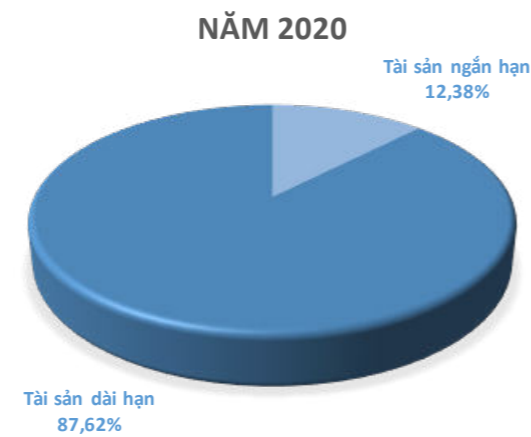
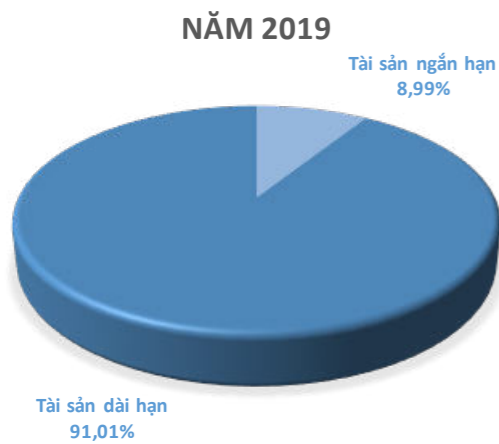
STT	Loại sản phẩm	DC Mù nước		DC mù phụ	
		Khối lượng (Tấn)	%	Khối lượng (Tấn)	%
I	Dây chuyền chế biến mù	11.780,34	99,74%	3.038,21	92,27%
1	SVR 3L	9.708,02	82,70%		
2	SVR CV60	1.096,06	9,34%		
3	SVR CV50	81,31	0,69%		
4	SVR 5	747,66	6,37%		
5	SVR 10			2.966,39	90,09%
6	SVR 20			31,5	0,96%
7	Ngoại lệ	75,29	0,64%	40,32	1,22%
II	Mù tận thu	30,49	0,26%	254,53	7,73%
1	Mù tận thu tại xưởng CB	9,24	0,08%	4,73	0,14%
2	Mù mẫu kiểm phẩm	21,25	0,18%	7,28	0,22%
3	Mù tận thu hồ nước thải			242,52	7,37%
	Tổng cộng	11.738,82	100%	3.292,73	100%



TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ trọng (%)	
			31/12/2019	31/12/2020
Tài sản ngắn hạn	119,143	149,399	8,99	12,38
Tài sản dài hạn	1.206,76	1.057,62	91,01	87,62
Tổng Tài sản	1.325,91	1.207,02	100	100



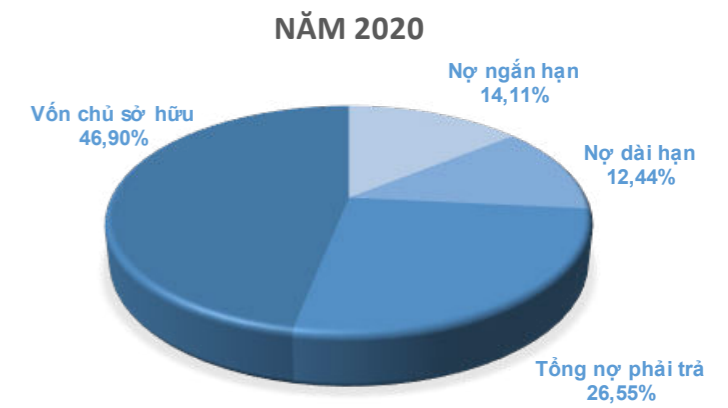
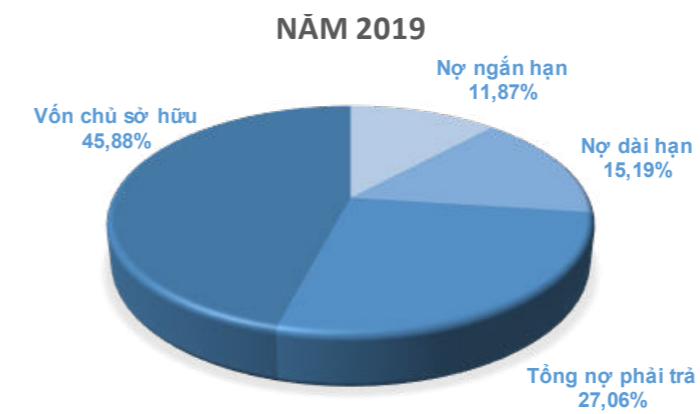
Cơ cấu tài sản của DRI vẫn duy trì ổn định qua các năm khi tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng gần 90% tổng tài sản trong năm. Trong đó, chủ yếu là các vườn cây cao su với năm cạo mù cao nhất là 9 năm và thuộc nhóm vườn cây trẻ, năng suất khá cao, thời gian khai thác còn dài.

Tổng tài sản của Công ty năm 2020 là 1.207,024 tỷ đồng, giảm 118,704 tỷ đồng so với năm 2019. Nguyên nhân của sự sụt giảm này do giảm các khoản nợ, lỗ chênh lệch tỷ giá và giảm đầu tư.

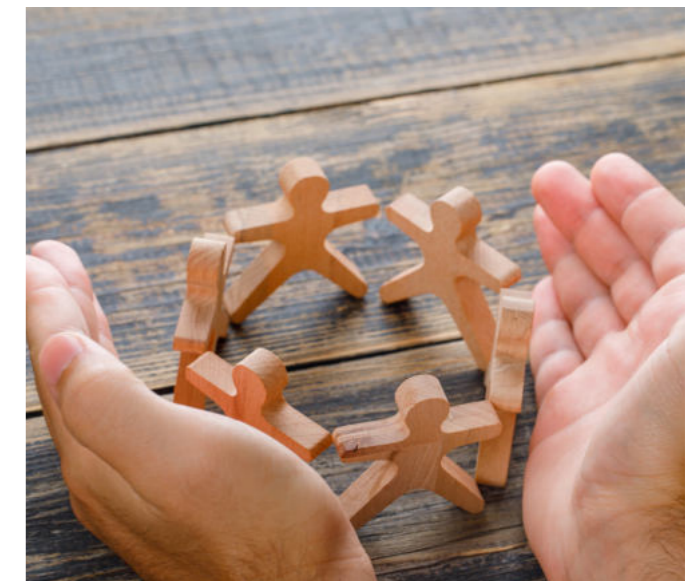
TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ trọng (%)	
			31/12/2019	31/12/2020
Nợ ngắn hạn	215,729	231,822	11,87	14,11
Nợ dài hạn	276,179	204,429	15,19	12,44
Tổng nợ phải trả	491,908	436,252	27,06	26,55
Vốn chủ sở hữu	833,99	770,771	45,88	46,90
Nguồn vốn	1817,806	1643,274	100,00	100,00



Nhìn chung, sau khi vườn cây sinh trưởng và mang lại nguồn thu ổn định thì các khoản nợ dài hạn của Công ty cũng vừa đến thời hạn trả trong năm 2020. Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm từ 276,179 tỷ đồng xuống còn 206,498 tỷ đồng giảm khoảng 25%. Hoạt động kinh doanh của Công ty đi vào ổn định với những khoản nợ phải trả giảm hơn năm trước 55,656 tỷ đồng.



VƯỜN CÂY

Vườn cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất cao ổn định, chất lượng sản phẩm tốt đáp ứng nhu cầu khách hàng và thị trường;

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Năng suất (tấn/ha)	2,02	2,37	2,16	1,85	1,8
Sản lượng (tấn)	15.614	18.482,79	18.139	15.403	15.206

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Bộ máy quản lý gọn nhẹ, tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động thấp, đội ngũ cán bộ nhiệt huyết với công việc. Năm 2020 tỷ lệ lao động gián tiếp/tổng lao động là 8,15%.

Xây dựng, ban hành và áp dụng hệ thống các quy trình, các chuẩn mực trong sản xuất và chế biến, từ đó giúp cho công tác quản lý ngày càng hiệu quả. Các hoạt động sản xuất kinh doanh phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO 9001:2015; Việc kiểm soát chất lượng phải tuân thủ theo quy định của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025; Giao quyền chủ động cho lãnh đạo các đơn vị để thực hiện một cách linh hoạt kịp thời các kế hoạch của Công ty mà ĐHQT, HĐQT giao.



QUẢNG BÁ THƯƠNG HIỆU

- » Tham gia các hội chợ triển lãm, các hội nghị khách hàng do Hiệp hội cao su tổ chức, thông qua các tham tán thương mại để quảng bá sản phẩm của Công ty ra nước ngoài;
- » Luôn chú trọng chất lượng sản phẩm, duy trì chất lượng ổn định, làm tốt khâu hậu mãi, luôn lắng nghe, đồng hành cùng khách hàng, từng bước củng cố thương hiệu DRI trên thị trường Quốc tế;
- » Thực hiện công bố thông tin minh bạch, thực hiện tốt các nghĩa vụ nằm trong các giá trị cốt lõi của Công ty đó là Sự công bằng, Tính trách nhiệm, Tính minh bạch và Trách nhiệm giải trình.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM

Hiện nay, Công ty đang sản xuất 03 sản phẩm mủ cao su chủ lực là SVR3L, SVR10, và SVRCV60 đáp ứng được nhu cầu khách hàng. Công ty đẩy mạnh việc tiếp thị và sản xuất sản phẩm SVR CV có biên lợi nhuận cao hơn.

Tiếp tục nghiên cứu sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn, nhu cầu khách hàng nhiều hơn như mủ tờ RSS, SVR 10 theo công nghệ mới. Tập trung cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm và sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ổn định để cung cấp cho khách hàng.





- » Tầm nhìn và chiến lược rõ ràng. Hiện nay Công ty đang trong lộ trình xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững và phấn đấu năm 2022 đạt được chứng nhận FSC, tham gia vào chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu;
- » Tỷ lệ xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn (hơn 60%/tổng lượng mủ cao su tiêu thụ), sản phẩm mủ cao su của DRI đã xâm nhập vào các thị trường khó tính như Đài Loan (21,44%), Ấn Độ (16,24%), Mỹ (14,68%) và các nước Châu Âu (3,53%). Năm 2020 là năm thứ 2 liên tiếp DRI được vinh danh là 1 trong 50 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu cao su cao nhất Việt Nam theo số liệu của Tổng cục Hải quan (DRI xếp thứ 34/50);

- » Vườn cây thuộc nhóm kinh doanh tư (từ 1-10 năm) với tuổi khai thác bình quân là 5 năm, 95% đã đi vào kinh doanh, tạo ra doanh thu và lợi nhuận, sinh trưởng và phát triển tốt, năng suất bình quân cao;
- » Đội ngũ lãnh đạo chủ chốt là những cán bộ có kinh nghiệm, tâm huyết, bộ máy quản lý tinh gọn, linh hoạt, tỷ lệ gián tiếp/tổng lao động thấp;
- » Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội Cao su Việt Nam và các tổ chức NGOs trong xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển cao su bền vững.



- » Đặc thù là ngành sản xuất nông nghiệp nên phụ thuộc nhiều vào yếu tố thời tiết, khí hậu. Với tác động của biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan: mưa giông, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh,... đã ảnh hưởng đến năng suất và sức khỏe của vườn cây;
- » Vườn cây cao su tại Lào xa về địa lý, nước bạn Lào không có cảng biển nên chi phí vận chuyển cao hơn các đơn vị trong nước; Năm 2020 ảnh hưởng của dịch Covid-19, lệnh cách ly 14 ngày tại cửa khẩu Việt –Lào, tình trạng thiếu container,... làm tăng chi phí vận chuyển ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty và công tác tổ chức khai thác mủ cao su;
- » Việc tuyển nhân lực có trình độ vừa biết tiếng Việt vừa biết tiếng Lào còn khó khăn. Đặc thù nước Lào nhiều lễ hội, biến động nhân sự lớn cũng ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty; lao động trực tiếp tại Lào không ổn định; lao động quản lý người Việt Nam tại Lào tuyển dụng khó khăn, biến động nhiều;



- » Dự án đầu tư cao su có thời gian thu hồi vốn dài, đầu tư vào những vùng khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới thiếu thốn về hạ tầng lẫn cơ sở an sinh xã hội; quá trình thực hiện đầu tư gặp khá nhiều khó khăn do khác biệt về luật pháp, văn hóa; cơ chế đầu tư nước ngoài còn nhiều bất cập, khó tiếp cận với các chính sách của nước bạn; Trong những năm gần đây Nước Lào duy trì chính sách tỷ giá thấp dẫn đến lỗ chênh lệch về tỷ giá lớn tác động tiêu cực đến lợi nhuận của Công ty.

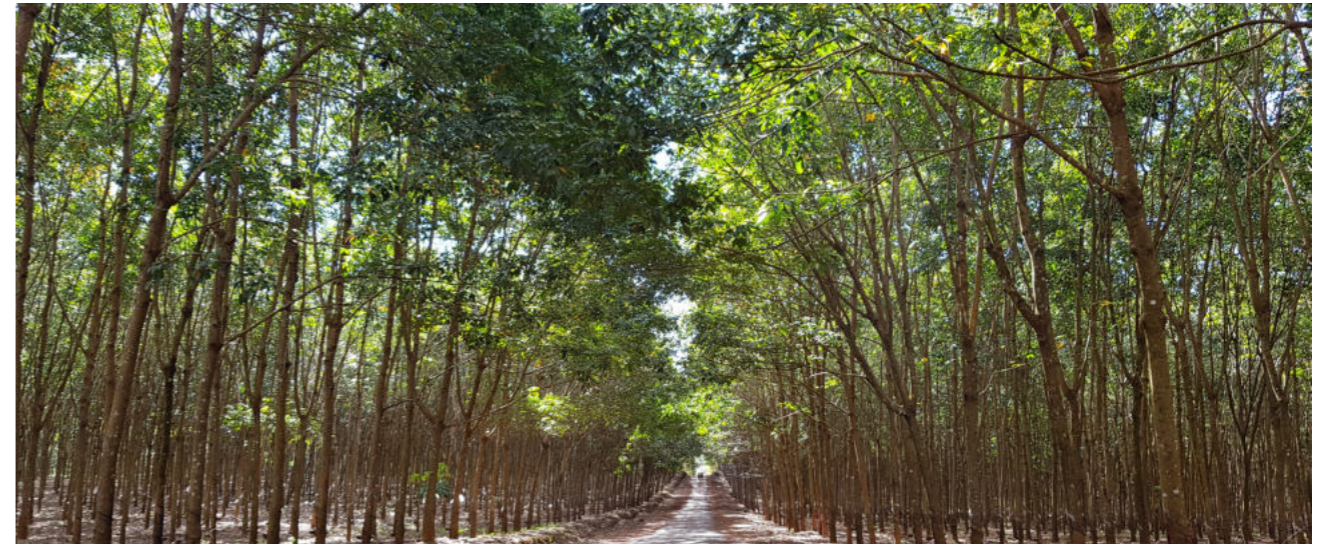


- » Nhu cầu tiêu thụ cao su thiên nhiên có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, có trách nhiệm và phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, ...DRI đang trong lộ trình xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững. Đây là cơ hội để các sản phẩm DRI nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu tiêu dùng mới, tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu;
- » Một số diện tích chuyển lên mặt cao úp góp phần gia tăng sản lượng mủ cao su;
- » Tình hình bệnh đốm lá trên cây cao su tại các nước Indonesia, Malaysia, Thái Lan và tình trạng lũ lụt tại Thái Lan đã làm giảm nguồn cung trong ngắn hạn có tác động tích cực đến giá cao su;
- » Cam kết của các nước OPEC trong việc giảm nguồn cung đối với dầu mỏ cũng là yếu tố thúc đẩy việc tăng giá cao su thiên nhiên;
- » Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP bắt đầu có hiệu lực cùng với sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, sẽ có tác động tích cực giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong đó có mặt hàng cao su;
- » Việc giá thấp kéo dài dẫn đến việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, giảm nguồn cung mủ cao su có thể dẫn đến đỉnh giá mới tạo triển vọng giá mủ cao su trong dài hạn; giá mủ cao su từ quý IV/2020 đến nay đã có những chuyển biến tích cực và theo dự báo là có xu hướng tốt;
- » Sự hỗ trợ tích cực trên nhiều phương diện của Chính quyền địa phương các Tỉnh Nam Lào nơi Công ty phát triển dự án trồng cao su; Sự hỗ trợ tích cực của Hiệp Hội cao su Việt Nam trong việc tiếp cận thông tin, hỗ trợ về mặt chính sách, tiếp cận khách hàng; Định hướng phát triển cao su bền vững..



CƠ HỘI

- » Tình hình tài chính của Công ty ngày càng tốt hơn qua các năm, dòng tiền về ngày càng nhiều, tỷ lệ nợ ngày càng giảm, lợi nhuận tích lũy qua các năm ngày càng lớn, là một cơ hội tốt để Công ty củng cố lại vườn cây, thay dần các vườn cao su kém hiệu quả, thực hiện các dự án, các mục tiêu phát triển trung và dài hạn. Thực hiện chia cổ tức ổn định cho các cổ đông để tạo niềm tin vững chắc của các nhà đầu tư vào Công ty.



- » Dự trữ cao su tại các kho ngoại quan của Trung Quốc năm 2020 lớn vì vậy dự báo lượng tiêu thụ cao su tự nhiên của Trung Quốc trong năm 2021 sẽ giảm mạnh trong khi nước này chiếm khoảng 40% tỷ trọng tiêu thụ toàn cầu. Vì vậy, cũng ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ cao su toàn cầu trong năm 2021 và giá cao su;
- » Nhu cầu của khách hàng đối với nguồn nguyên liệu có nguồn gốc rõ ràng, nằm trong chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu, yêu cầu Doanh nghiệp phải định hướng lại chiến lược phát triển theo hướng bền vững. Đây là một thách thức nhưng cũng là cơ hội để Công ty mở rộng khách hàng và thị trường, tăng trưởng bền vững;
- » Biến đổi khí hậu làm tăng tỷ lệ sâu bệnh và gây ra các sự kiện thời tiết cực đoan khó lường ảnh hưởng lớn đến năng suất và sản lượng các cây nông nghiệp khác nói chung và cây cao su nói riêng, buộc các doanh nghiệp muốn tồn tại phải đi theo hướng Phát triển bền vững và DRI đang tiên phong trong ngành cao su Việt Nam trong việc xây dựng công ty theo hướng bền vững, tham gia chuỗi cung ứng bền vững toàn cầu;
- » Nguyên liệu thay thế, xu hướng khách hàng hướng đến dùng các nguyên vật liệu tái chế, bền vững và thân thiện với môi trường, sự phát triển của phương tiện di chuyển thông minh hướng tới thay dần bằng xe không người lái từ đó dẫn đến thay đổi ngành sản xuất vật liệu ô tô, hàm lượng các bộ phận điện tử sẽ nhiều hơn để tăng độ giám sát và vận hành và thay cho các bộ phận cao su. Điều này sẽ mang lại những thách thức cho các công ty linh kiện cao su và xe điện, từ đó sẽ giảm nhu cầu cao su thiên nhiên;



THÁCH THỨC

- » Nguồn nhân lực hạn chế, cơ sở hạ tầng thấp tại nước bạn Lào là một trở ngại cho việc ứng dụng công nghệ 4.0 trong công tác quản trị Công ty;
- » Thời hạn hợp đồng tô nhượng đất tại Lào chỉ có 50 năm, nên việc thực hiện chu kỳ 2 để đầu tư khai thác sản phẩm mủ, gỗ cao su sẽ không đủ thời gian. Do đó, Công ty cần có lộ trình khai thác, thanh lý và trồng tái canh vườn cao su một cách hợp lý, phù hợp với thời hạn hợp đồng tô nhượng đất và chất lượng vườn cây.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH DOANH TRONG NĂM 2021

STT	Sản phẩm	ĐVT	Kế hoạch 2021
1	Sản lượng		
	+ Cao su	Tấn	16.500
	+ Điều	Tấn	209
	+ Chuối	Tấn	4.800
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	586.875
3	Tổng chi phí	Triệu đồng	526.250
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	60.624
5	Thuế TNDN phải nộp	Triệu đồng	14.770
6	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	45.852

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu, năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2021 như sau:

- » Tổ chức khai thác 16.500 tấn cao su khô, 4.800 tấn chuối quả và 209 tấn điều tươi;
- » Tỷ lệ xuất khẩu cao su 65%/tổng lượng hàng bán;
- » Doanh thu phấn đấu: 586.875 tỷ đồng;
- » Lợi nhuận trước thuế : 60.624 tỷ đồng (với giá bán bình quân 1.413 USD/tấn);
- » Chia cổ tức 5%/vốn điều lệ;
- » Thu nhập bình quân lao động gián tiếp: 15,94 triệu đồng/người/tháng; trực tiếp là: 5,79 triệu đồng/người/tháng;
- » Tiếp tục thâm canh vườn chuối và các cây ăn quả khác tại xã CuKpo, huyện Krong Buk, Đắk Lắk;
- » Tiếp tục thực hiện kế hoạch xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững;
- » Ban hành và triển khai Kế hoạch thanh lý, trồng tái canh vườn cao su kém hiệu quả để đảm bảo chu kỳ kinh doanh thứ hai theo hợp đồng tô nhượng đất tại Lào.



CĂN CỨ HOÀN THÀNH KẾ HOẠCH

- » Chỉ đạo công tác chăm sóc vườn cây và tăng cường quản lý kỹ thuật vườn cây khai thác, đảm bảo quy trình kỹ thuật sản xuất, tổ chức sản xuất, bố trí lao động hợp lý và tiếp tục thực hiện các chính sách đối với người lao động;
- » Thực hiện tốt việc kiểm soát chi phí nhằm đảm bảo giá thành sản xuất;
- » Cân đối nguồn vốn và thực hiện các giải pháp tài chính, nhằm đảm bảo dòng tiền để duy trì mọi hoạt động SXKD trong năm 2021 của toàn Công ty;
- » Nâng cao chất lượng sản phẩm, cố gắng đảm bảo chỉ tiêu xuất khẩu mủ cao su đạt 65% trên tổng lượng hàng xuất bán;
- » Nắm bắt thị trường để thực hiện công tác bán hàng một cách hợp lý và hiệu quả trên cơ sở những quy định của Công ty;
- » Điều hành Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI hoàn thành kế hoạch sản lượng chuối, kiểm soát tốt giá thành sản xuất và đa dạng hóa thị trường để đảm bảo giá bán theo kế hoạch; chú trọng chăm sóc vườn sầu riêng đạt hiệu quả sinh trưởng phát triển tốt hơn;
- » Tiếp tục chỉ đạo Daklaoruco thực hiện kế hoạch Phát triển bền vững theo chủ trương của HĐQT, phấn đấu hoàn thành chứng nhận ISO về môi trường, hướng tới mục tiêu được cấp chứng chỉ FSC cho vườn cao su tại Daklaoruco;
- » Tuân thủ các quy định theo tiêu chuẩn ISO 9001 hiện hành về Hệ thống quản lý và ISO/IEC 17025 trong kiểm tra chất lượng sản phẩm;
- » Khi giá sản phẩm mủ cao su tốt, tiến hành bón phân thâm canh vườn cao su; đồng thời thanh lý vườn cao su bị gãy đổ năm 2016, mật độ cây cạo tháp để trồng tái canh trong năm 2022. Khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên tại vườn điều Mường Khoong, ChămPaSăk, Lào.

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 8.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Số dư Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 84.423.212.014 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 96.586.239.642 VND). Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, cổ đông chiến lược của Công ty mẹ sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.



GIẢI TRÌNH CỦA DRI

Nợ ngắn hạn của Công ty bao gồm khoản vay vốn lưu động và một phần nợ vay dài hạn đến hạn trả trong năm. Tất cả các khoản vay này đều có khả năng thanh toán cả gốc và lãi, đều có tài sản đảm bảo đầy đủ và tài sản được đảm bảo có khả năng sinh lợi tốt. Với đặc thù ngành cao su có thời gian đầu tư dài, chi phí đầu tư lớn, hiện nay hơn 90% diện tích vườn cây đã đưa vào kinh doanh không còn đầu tư nhiều, năng suất thuộc nhóm cao của ngành. Từ năm 2017 đến nay Công ty đã có lợi nhuận, vì vậy hàng năm Công ty đã cân đối tài chính nhằm giảm dần tỷ lệ nợ ngắn hạn qua các năm và cụ thể từ năm 2017 đến nay số dư nợ ngắn hạn liên tục được cải thiện.

Số dư nợ ngắn hạn

- » 01/01/2017: 172.488.181.157 VND
- » 31/12/2017: 104.982.134.606 VND
- » 31/12/2018: 125.536.805.962 VND
- » 31/12/2019: 96.586.239.642 VND
- » 31/12/2020: 82.423.212.014 VND





05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá của HĐQT đối với thị trường cao su thế giới

Môi trường kinh tế vĩ mô và Hiệu quả của các chính sách tác động đến thị trường cao su

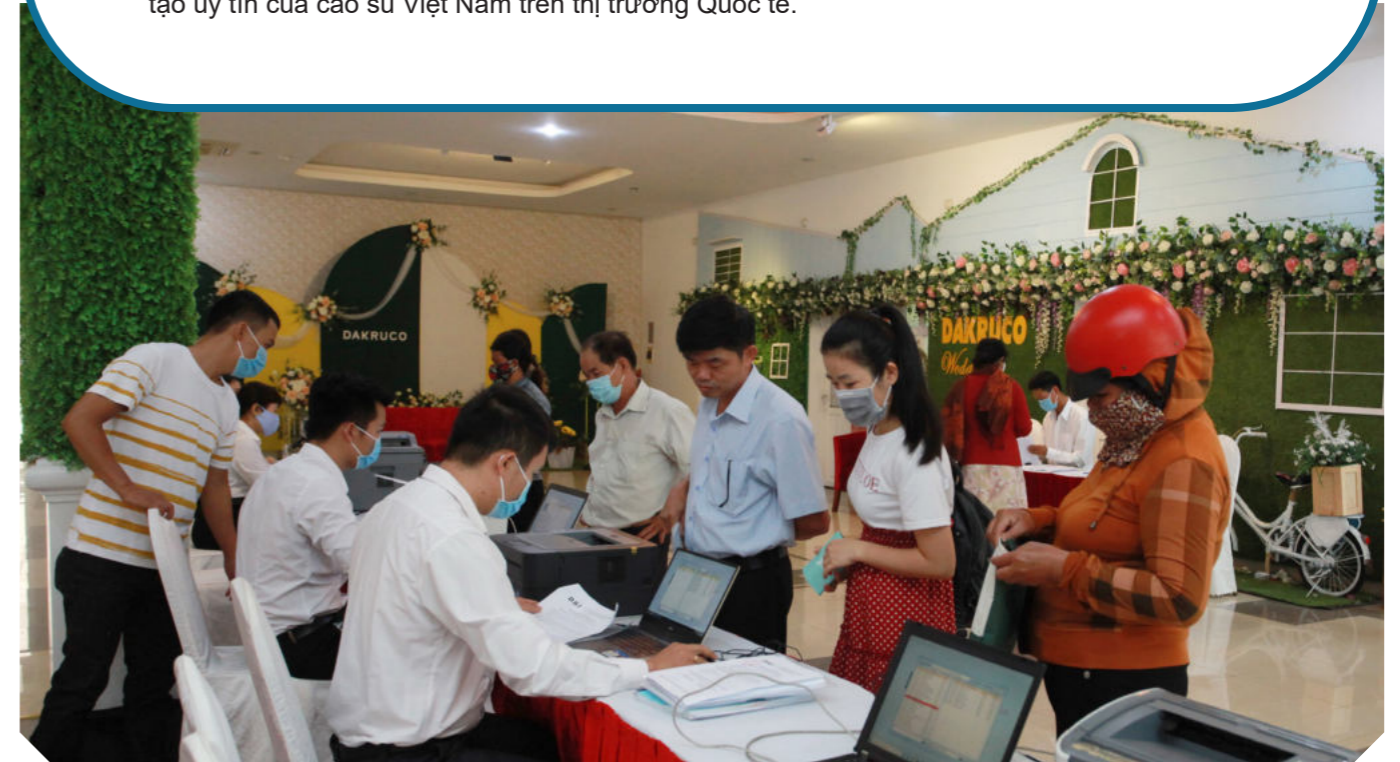
Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

- » Năm 2020, đại dịch Covid-19 không những làm suy giảm nền kinh tế, mà còn để lại hậu quả nặng nề lên các hoạt động kinh tế toàn cầu trong một thời gian dài. Tuy nhiên, trong khó khăn chung nền kinh tế toàn cầu đang được cải thiện hơn, nhất là cuối năm 2020, với kỳ vọng về triển vọng phục hồi kinh tế của Trung Quốc và một số nền kinh tế lớn khác. Theo đó, thị trường cao su năm 2020 cũng nhiều nét thăng trầm, có thời điểm giá cao su xuống rất thấp. Tuy nhiên, vào thời điểm quý 4, với dự báo hồi phục kinh tế tại Trung quốc cộng với động thái nước này gia tăng mua một lượng lớn cao su dự trữ. Các nước OPEC cam kết tiếp tục cắt giảm sản lượng dầu. Tình hình bệnh đốm lá tại các nước Indonesia, Malaysia, tình hình lũ lụt và bệnh đốm lá tại Thái lan tác động tiêu cực đến nguồn cung đã đẩy giá cao su tự nhiên lên cao nhất trong vòng 4 năm.
- » Năm 2021 được sự báo là năm khởi đầu của phục hồi kinh tế sau đại dịch Covid-19, với mức tăng trưởng kinh tế thế giới khoảng 4% vào năm 2021 theo công bố của Tổ chức Ngân hàng thế giới (WB) khi các quốc gia triển khai tiêm đại trà vacxin ngừa Covid-19 và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả. Tuy nhiên, mức tăng trưởng trên cũng bị tác động tiêu cực trong bối cảnh diễn biến phức tạp của chủng virus mới với tốc độ lây lan nhanh hơn và sự không đáp ứng đủ nhu cầu vacxin.
- » Năm 2021, mức tiêu thụ cao su của Trung Quốc dự báo sẽ giảm do lượng dự trữ cao su tại các kho ngoại quan tương đối lớn. Tuy nhiên, sự phục hồi kinh tế tại Mỹ, các nước EU, nhu cầu tiêu thụ cao su lớn tại Ấn Độ, hiệu quả của các gói hỗ trợ là động lực thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cao su và kỳ vọng việc duy trì một mức giá cao su tương đối tốt và ổn định trong năm 2021.



- » Với chính sách điều hành kinh tế linh hoạt của Chính phủ, các biện pháp phòng chống dịch có hiệu quả, Việt Nam đã đạt mức tăng trưởng GDP năm 2020 ước tính là 2,91%, trở thành quốc gia hiếm hoi trong ASEAN đạt mức tăng trưởng dương và thuộc nhóm các nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới. Đây chính là nền tảng vững chắc, là tiền đề cho sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ vào năm 2021 với mức dự báo khá cao khoảng từ 6-7% GDP.
- » Năm 2020, mặc dù ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nhưng xuất khẩu cao su của Việt Nam vẫn tăng 2,8% về lượng và tăng 3,5% về trị giá so với năm 2019 theo báo cáo của cục XNK – Bộ Công thương và tiếp tục là ngành đóng góp quan trọng trong rổ hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam trong những năm gần đây.
- » Năm 2021, các Hiệp định thương mại tự do như EVFTA, UKVFTA và RCEP bắt đầu có hiệu lực cùng với sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu, sẽ có tác động tích cực giúp tăng cầu đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam trong đó có mặt hàng cao su.
- » Trước yêu cầu của người tiêu dùng về nguồn gốc cao su rõ ràng gắn với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Từ nhiều năm qua ngành cao su đã có những hoạt động để thúc đẩy Phát triển bền vững cho các sản phẩm từ cao su hướng tới đạt các chứng nhận về Quản lý rừng bền vững theo chuẩn FSC, PEFC. Từ đó nâng cao giá trị xuất khẩu của cao su Việt Nam, bên cạnh đó Hiệp hội cao su Việt Nam tiếp tục triển khai Đề án “ Xây dựng và Phát triển thương hiệu ngành hàng” thông qua chứng nhận nhãn hiệu “Cao su Việt Nam” đồng thời tích cực quảng bá và phát triển nhãn hiệu tạo uy tín của cao su Việt Nam trên thị trường Quốc tế.



Về thực hiện các chỉ tiêu chính trong sản xuất, kinh doanh:

Năm 2020 là một năm khó khăn của các doanh nghiệp ngành cao su nói chung và DRI nói riêng., Tuy nhiên, DRI vẫn đạt được một số thành quả tốt: Chỉ tiêu lợi nhuận đạt 99,2%KH trong bối cảnh sản lượng chỉ đạt 95%KH, doanh thu đạt 84,13% KH. Tình hình tài chính liên tục được cải thiện qua các năm với số nợ giảm dần, từ đó giảm dần tỷ trọng chi phí lãi vay trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tỷ lệ xuất khẩu mủ cao su đạt 62,43% vượt mức HĐQT giao, từng bước tăng tỷ trọng xuất bán đối với sản phẩm SVR CV là loại sản phẩm cao cấp có giá trị gia tăng cao. Năm 2020 là năm thứ 2 liên tiếp DRI tiếp tục được vinh danh là 1 trong 50 Doanh nghiệp xuất khẩu cao su hàng đầu Việt Nam tính theo kim ngạch xuất khẩu (xếp thứ hạng 34/50), được Hiệp hội cao su Việt Nam công bố căn cứ theo nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan.

Về trách nhiệm môi trường và Xã hội:

Năm 2020 là năm thứ 2 trong lộ trình xây dựng Công ty theo hướng Phát triển bền vững theo phương châm: Hiệu quả về kinh tế- Trách nhiệm xã hội và Bảo vệ môi trường, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn bám theo 17 tiêu chí của Liên hiệp quốc về Phát triển bền vững: Tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả; Ưu tiên tuyển dụng lao động trong vùng dự án, đảm bảo thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động; Đảm bảo các yếu tố về môi trường trong sản xuất, chế biến; Tôn trọng quyền người bản địa, quyền tham gia các tổ chức, hiệp hội, hỗ trợ phát triển cộng đồng,...



Về hoạt động của Ban Tổng giám đốc:

Các hoạt động của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng quy định của Pháp luật, điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ Công ty; Đã điều hành Công ty hoàn thành tốt nhất ở mức có thể chỉ tiêu chính, nhiệm vụ mà ĐHCĐ, HĐQT giao; Thường xuyên xin ý kiến HĐQT về mặt chủ trương đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, tham mưu cho HĐQT những giải pháp góp phần vào sự phát triển chung của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- » Chỉ đạo sát sao Ban điều hành nhằm tổ chức sản xuất thực hiện tốt các chỉ tiêu mà ĐHQĐĐ giao, tạo lợi nhuận tích lũy, đảm bảo nguồn tài chính bền vững cho Công ty. Duy trì việc chia cổ tức ổn định cho cổ đông;
- » Quan tâm nâng cao chất lượng, cung cấp cho khách hàng sản phẩm có chất lượng ổn định, chú trọng khâu hậu mãi;
- » Tìm kiếm khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu, quảng bá sản phẩm từng bước khẳng định thương hiệu sản phẩm của DRI trên thương trường, tỷ lệ xuất khẩu 65% tổng số sản phẩm tiêu thụ; gia tăng sản lượng mũ SVR CV trong cơ cấu sản phẩm mũ cao su;
- » Phấn đấu hệ thống quản lý môi trường được chứng nhận theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Tiếp tục hợp tác với Trung tâm con người và thiên nhiên, Oxfarm Việt Nam và các tổ chức khác triển khai lộ trình xây dựng công ty theo hướng Phát triển bền vững như kế hoạch đề ra.
- » Chuyển sàn giao dịch từ UpCom sang HOSE hoặc HNX;
- » Tiếp tục triển khai giai đoạn 2 dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Đắc Lắc; tập trung chăm sóc thâm canh vườn sầu riêng trồng năm 2018;
- » Xây dựng và thông qua ĐHQĐĐ về phương án thanh lý vườn cây cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco, rút ngắn thời gian khấu hao từ 25 năm xuống còn 18 năm cho phù hợp với thời gian trong hợp đồng tô nhượng đất với Chính phủ Lào;
- » Trình ĐHQĐĐ ban hành việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty để HĐQT ban hành; Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, để Ban Kiểm soát ban hành. Đồng thời rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ để phù hợp với Luật Doanh nghiệp năm 2020; các Nghị định, Thông tư mới có hiệu lực từ năm 2021.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

- » Phấn đấu đến năm 2022 được cấp chứng nhận quản lý rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng Quốc tế. Đây là điều kiện để sản phẩm của Công ty có chỗ đứng ổn định tại những thị trường khó tính như Châu Âu, Mỹ;
- » Tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, mẫu mã, bao bì, tăng cường công tác quảng cáo tiếp thị mở rộng thị trường, khách hàng, từng bước xây dựng thương hiệu DRI có uy tín trên thị trường thế giới;
- » Nghiên cứu sản xuất thêm sản phẩm có giá trị gia tăng cao hơn như sản phẩm CV, RSS;
- » Chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ quản lý;
- » Hàng năm từ nguồn lợi nhuận thực hiện trích lập các quỹ và duy trì việc chia cổ tức ổn định cho các cổ đông;
- » Triển khai Kế hoạch khai thác, thanh lý và trồng tái canh vườn cao su kém hiệu quả, phù hợp với thời hạn của hợp đồng tô nhượng đất với Chính phủ Lào.

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

- » Thực hiện tốt quy trình kỹ thuật, đảm bảo sự sinh trưởng phát triển của vườn cây cao su, đảm bảo thời gian khai thác tối ưu, cho năng suất cao, ổn định; đẩy mạnh công tác chế biến, nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm mũ cao su, từng bước xây dựng thương hiệu DRI-Daklaoruco trở thành thương hiệu được nhiều thị trường trên thế giới biết đến.
- » Duy trì bộ máy quản lý gọn nhẹ tại công ty mẹ và công ty con Daklaoruco, làm tốt công tác quản lý, quản trị tốt giá thành nhằm tối đa hóa lợi nhuận của cổ đông.
- » Chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn lao động, đảm bảo đời sống và thu nhập cho người lao động.
- » Xây dựng lộ trình, kế hoạch phấn đấu đến năm 2022 được cấp chứng nhận rừng cao su bền vững theo tiêu chuẩn chứng chỉ rừng quốc tế, theo dõi giám sát việc triển khai kế hoạch, nếu dịch Covid -19 được ngăn chặn hiệu quả.
- » Phát triển thêm dự án mới, đầu tư vào các lĩnh vực mà công ty có ưu thế, nguồn vốn đầu tư từ nguồn vốn Điều lệ mà hiện tại Công ty đang cho Daklaoruco vay để đầu tư trồng cao su tại Lào và nguồn vốn trích hàng năm từ Quỹ đầu tư phát triển khi Công ty có lợi nhuận.
- » Thực hiện việc thanh lý những vườn cao su kém hiệu quả tại Daklaoruco và thực hiện xây dựng vườn nhân giống cao su; trồng tái canh theo phương án được ĐHQĐĐ thường niên 2021 thông qua.





06

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

THÀNH VIÊN, CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Thành viên độc lập/ Điều hành	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	Không điều hành	200.000	0,27%
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch HĐQT	Độc lập	169.100	0,20%
3	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	Điều hành	99.100	0,14%
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT		124.196	0,17%
5	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT Thành viên HĐQT kiêm		0	0
6	Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng giám đốc, người CBTT	Điều hành	350.000	0,48%
7	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT		0	0



LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ÔNG NGUYỄN VIẾT TƯỢNG**

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT không điều hành

Sinh năm : 01/01/1965

Là thành viên HĐQT từ tháng 8/2015

Kinh nghiệm: Ông có gần 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp, 15 năm kinh nghiệm trong quản lý nhà nước, đã kinh qua các chức vụ : Thư ký bí thư tỉnh ủy, bí thư huyện, giám đốc Sở Kế hoạch Đầu tư, Bí thư thành ủy Thành phố Buôn Ma Thuột, 04 năm là chủ tịch Dakruco và Chủ tịch HĐQT DRI.

Trình độ chuyên môn:

- » Thạc Sĩ Lâm Sinh;
- » Cử nhân kinh tế công nghiệp.

Chức vụ tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Cao su Đắc Lắc (Dakruco)
- » Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cao su Daknoruco

Ông Lê Thanh Cần: Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Hải: Thành viên HĐQT điều hành kiêm Phó Tổng Giám đốc



ÔNG BÙI QUANG NINH

Phó Chủ tịch HĐQT - Thành viên HĐQT độc lập

Sinh năm : 10/08/1966

Là thành viên HĐQT từ tháng 6/2012



Kinh nghiệm: 7 năm là Kế toán viên, 03 năm là Kế toán trưởng đơn vị, 12 năm Phụ trách công tác kế toán, Kế toán trưởng Dakruco, 02 năm là Kiểm soát viên nhà nước, trưởng ban Kiểm soát Dakruco, 03 năm là phó giám đốc Dakruco và từ 6/2015 đến nay là Giám đốc Dakruco, từ tháng 6/2012 đến nay là phó chủ tịch HĐQT DRI.

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân tài chính, kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su
- » Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Gỗ cao su Đắk Lắk

ÔNG NGUYỄN TRẦN GIANG

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 16/04/1981

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2018; HĐQT từ tháng 6/2012



Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm 17 năm làm công tác kế toán, đã kinh qua 07 năm là Nhân viên kế toán, 8 năm Phụ trách công tác kế toán, tài chính Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco),

Trình độ chuyên môn:

- » Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán;
- » Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng.

Chức vụ tại tổ chức khác: Không



BÀ NGUYỄN KIM HOA

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 04/05/1967

Là thành viên HĐQT từ tháng 10/2012



Kinh nghiệm: Bà đã có kinh nghiệm hơn 28 năm trong ngành cao su, đã trải qua các vị trí: nhân viên KCS, thư ký ISO Công ty Dakruco, phó chánh văn phòng Dakruco và từ năm 2008 đến nay là chủ tịch Công đoàn Dakruco, bà tham gia thành viên HĐQT DRI từ tháng 10/2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn:

- » Kỹ sư nông nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác:

- » Phó Chủ tịch HĐQT Quỹ Tín dụng Nhân dân Cao su Đắk Lắk;
- » Chủ tịch công đoàn Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco).



ÔNG NGUYỄN MINH

Thành viên HĐQT

Sinh năm : 25/01/1970

Là thành viên HĐQT từ tháng 04/2017



Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 24 năm trong ngành cao su, trải qua các vị trí: Nhân viên kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật đơn vị, Giám đốc nông trường cao su tại Daklaoruco, Giám đốc chi nhánh Nông trường cao su 30/4 thuộc Dakruco, từ tháng 9/2015 đến nay là Trưởng phòng kỹ thuật của Dakruco, Ông tham gia HĐQT DRI từ tháng 4/2017.

Trình độ chuyên môn:

- » Kỹ sư nông nghiệp

Chức vụ tại tổ chức khác:

- » Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco).



SỐ BUỔI HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm Hội đồng quản trị tổ chức 10 cuộc họp thống kê số buổi họp của các thành viên như sau:

STT	Thành viên	Chức vụ	Thành viên độc lập/ Điều hành	Số buổi họp	Tỷ lệ
1	Nguyễn Viết Tượng	CT. HĐQT	Không điều hành	10/10	100%
2	Bùi Quang Ninh	PCT.HĐQT	Độc lập	10/10	100%
3	Lê Thanh Cần	TV.HĐQT, TGD	Điều hành	10/10	100%
4	Nguyễn Kim Hoa	TV. HĐQT		10/10	100%
5	Nguyễn Trần Giang	TV.HĐQT		10/10	100%
6	Nguyễn Thị Hải	TV.HĐQT, Phó TGD, Người CBTT	Điều hành	10/10	100%
7	Nguyễn Minh	TV.HĐQT		10/10	100%

CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm Hội đồng quản trị đã tổ chức 09 phiên họp trực tiếp và lấy ý kiến bằng văn bản 01 lần để thống nhất nhiều chủ trương, giải pháp nhằm định hướng và chỉ đạo Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tổ chức triển khai các chủ trương lớn như: Thống nhất công thức bán hàng cho năm 2020, tăng quy mô tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI thêm 66,61 ha để trồng chuối và sầu riêng xen trong cao su năm 2020; tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI thêm 6 tỷ đồng; Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu Phát triển bền vững theo kế hoạch mà HĐQT đã ban hành; chủ trương thay đổi chủ kỳ kinh doanh của Daklaoruco cho phù hợp với thời gian hợp đồng tô nhượng đất 50 năm, đưa ra lộ trình thanh lý phù hợp, tránh bị sụt giảm, sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đột ngột...

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	1	04/01/2020	-Thông qua định hướng về SXKD và bán hàng năm 2021; -Thông qua một số định hướng và các chỉ tiêu chính của kế hoạch tài chính 2021; -Cho chủ trương về công thức bán mủ cao su và chỉ tiêu xuất khẩu cao su; -Cho phép Daklaoruco thanh toán 100% quỹ lương gián tiếp theo kế hoạch tài chính 2020;	7/7/7
2	2	10/02/2020	Thống nhất ngày chốt danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ thường niên 2020.	7/7/7
3	3	02/03/2020	-Thống nhất công thức bán hàng cho năm 2020; -Thống nhất chủ trương tăng quy mô tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI thêm 66,61 ha để trồng chuối và sầu riêng xen trong cao su năm 2020; -Thông qua nội dung, chương trình tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020; -Điều chỉnh hệ số thù lao của Thành viên HĐQT, Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách và thư ký HĐQT.	7/7/7
4	4	14/04/2020	-Thống nhất hủy danh sách chốt cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên ngày 10/3/2020; -Chọn ngày chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2020 sang ngày 11/05/2020 và dự kiến thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2020 là 29/05/2020 do ảnh hưởng của dịch Covid-19.	7/7/7
5	5	20/04/2020	Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản về tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Nông Nghiệp CNC-DRI thêm 6 tỷ đồng.	7/7/7
6	6	18/05/2020	-Thống nhất cho phép TGD DRI dùng tài sản là nhà và đất xây dựng văn phòng làm việc của DRI để thế chấp cho khoản vay với hạn mức không quá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) tại ngân hàng Viettinbank CN Đắk Lắk để phục vụ nhu cầu vốn SXKD tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC- DRI. Chậm nhất đến hết tháng 10/2020 sẽ tất toán toàn bộ các khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Đắk Lắk; -Thống nhất không tham gia mua lại phần vốn góp điều lệ năm 2018 của Công ty TNHH XNK&PT Nông nghiệp CNC Bình Dương.	7/7/7

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
7	8	15/06/2020	Thống nhất chọn Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam để kiểm toán BCTC năm 2020 của Công ty bao gồm công ty mẹ và 02 công ty con;	7/7/7
8	9	20/07/2020	-Chỉ đạo sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm 2020; -Chuyển địa điểm văn phòng làm việc của DRI; -Đánh giá kết quả thực hiện mục tiêu phát triển bền vững theo kế hoạch mà HĐQT đã ban hành; -Chỉ đạo sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm 2020; -Định hướng một số nội dung liên quan đến chính sách lương, thưởng tại công ty con Daklaoruco; -Thống nhất chủ trương cho phép dùng số tiết kiệm 05 tỷ đồng của DRI giữ tại ngân hàng Nông nghiệp chi nhánh Tân Lập để bảo lãnh cho công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI vay 3,3 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay tối đa từ 10/2020-06/2021. Lý do tại nghị quyết số 06 ngày 18/5/2020 HĐQT cho phép TGD DRI dùng tài sản là nhà và đất xây dựng văn phòng làm việc của DRI để thế chấp cho khoản vay với hạn mức không quá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) tại ngân hàng Vietinbank CN Đák Lăk để phục vụ nhu cầu vốn SXKD tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI, tuy nhiên do tòa nhà văn phòng chưa hoàn tất hồ sơ hoàn công nên ngân hàng Vietinbank cho cho vay tối đa 6,7 tỷ đồng, thiếu hụt 3,3 tỷ đồng; -Thông qua quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con; -Thống nhất chủ trương cho phép DRI mua của Dakruco 403,2 tấn mù SVR3L. Giá mua thực tế được xác định tại thời điểm giao hàng và phải đảm bảo giá sản phẩm mà DRI mua của Dakruco phải tương đồng với giá mà Dakruco bán cho các khách hàng khác cùng thời điểm, cùng chủng loại sản phẩm hoặc giá mua không cao hơn giá bán SVR3L tại kho của Daklaoruco cộng thêm chi phí vận chuyển, làm hàng từ Lào về Việt Nam.	7/7/7
9	12	16/10/2020	DRI dùng tài sản là nhà và đất xây dựng văn phòng làm việc của DRI để thế chấp cho khoản vay với hạn mức không quá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) tại ngân hàng Vietinbank CN Đák Lăk để phục vụ nhu cầu vốn SXKD tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI, tuy nhiên do tòa nhà văn phòng chưa hoàn tất hồ sơ hoàn công nên ngân hàng Vietinbank cho cho vay tối đa 6,7 tỷ đồng, thiếu hụt 3,3 tỷ đồng; -Thông qua quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con; -Thống nhất chủ trương cho phép DRI mua của Dakruco 403,2 tấn mù SVR3L. Giá mua thực tế được xác định tại thời điểm giao hàng và phải đảm bảo giá sản phẩm mà DRI mua của Dakruco phải tương đồng với giá mà Dakruco bán cho các khách hàng khác cùng thời điểm, cùng chủng loại sản phẩm hoặc giá mua không cao hơn giá bán SVR3L tại kho của Daklaoruco cộng thêm chi phí vận chuyển, làm hàng từ Lào về Việt Nam.	7/7/7
10	18	10/12/2020	DRI dùng tài sản là nhà và đất xây dựng văn phòng làm việc của DRI để thế chấp cho khoản vay với hạn mức không quá 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng) tại ngân hàng Vietinbank CN Đák Lăk để phục vụ nhu cầu vốn SXKD tại Công ty TNHH Nông nghiệp CNC-DRI, tuy nhiên do tòa nhà văn phòng chưa hoàn tất hồ sơ hoàn công nên ngân hàng Vietinbank cho cho vay tối đa 6,7 tỷ đồng, thiếu hụt 3,3 tỷ đồng; -Thông qua quy chế nội bộ về Lựa chọn nhà thầu mua sắm trong hoạt động SXKD và duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty DRI và các công ty con; -Thống nhất chủ trương cho phép DRI mua của Dakruco 403,2 tấn mù SVR3L. Giá mua thực tế được xác định tại thời điểm giao hàng và phải đảm bảo giá sản phẩm mà DRI mua của Dakruco phải tương đồng với giá mà Dakruco bán cho các khách hàng khác cùng thời điểm, cùng chủng loại sản phẩm hoặc giá mua không cao hơn giá bán SVR3L tại kho của Daklaoruco cộng thêm chi phí vận chuyển, làm hàng từ Lào về Việt Nam.	7/7/7

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ & tên	Chức vụ	Nội dung đào tạo	Thời gian tham gia
1	Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT không điều hành		20-21/09/2018
2	Ông Bùi Quang Ninh	Phó chủ tịch HĐQT, Thành viên HĐQT độc lập		5-6/10/2017
3	Ông Lê Thanh Cần	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc	Chương trình đào tạo quản trị công ty cho các Công ty đại chúng	
4	Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành viên HĐQT độc lập	do Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán của UBCKNN tổ chức	Chưa học
5	Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên HĐQT điều hành kiêm Tổng giám đốc/Thư ký Công ty		Chưa học
6	Ông Nguyễn Trần Giang	Thành viên HĐQT độc lập		Lớp quản trị: Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019 5-6/10/2017.
7	Ông Nguyễn Minh	Thành viên HĐQT độc lập		Lớp Kế toán chuyên nghiệp: 6-12/2019
8	Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban Kiểm soát		Lớp quản trị: 5-6/10/2017
9	Ông Phan Thanh Tân	Thành viên Ban Kiểm soát		
10	Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên Ban Kiểm soát		
11	Ông Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng		



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Thạch Hoàn	Trưởng Ban kiểm soát
2	Ông Phan Thanh Tân	Kiểm soát viên
3	Ông Nguyễn Văn Thảo	Kiểm soát viên

**ÔNG NGUYỄN THẠCH HOÀNH**

Trưởng Ban kiểm soát

Sinh năm : 01/12/1966

Là Kiểm soát viên từ tháng 06/2012



Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 28 năm trong lĩnh vực kế toán, trải qua các vị trí Kế toán trưởng đơn vị, Trưởng bộ phận Lao động – Tiền lương Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk, từ tháng 6 năm 2012 đến tháng 10/2018 là Kiểm soát viên nhà nước tại Công ty TNHH MTV cao su Đắk Lắk (Dakruco) và từ tháng 10/2018 đến nay là Trưởng ban kiểm soát Dakruco, ông là Trưởng ban kiểm soát Công ty DRI từ 6/2012 đến nay.

Trình độ chuyên môn:

» Cử nhân tài chính kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác:

» Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco)

PHAN THANH TÂN

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm : 01/11/1971

Là thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 04/2015



Kinh nghiệm: Ông đã có kinh nghiệm hơn 27 năm trong lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí kế toán trưởng, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Cao su Đắk Lắk (Dakruco), từ tháng 4/2015 đến nay là thành viên Ban Kiểm soát DRI.

Trình độ chuyên môn:

» Cử nhân tài chính kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác:

» Kiểm soát viên Công ty Cổ phần cao su Đắk Lắk (Dakruco).

**ÔNG NGUYỄN VĂN THẢO**

Thành viên Ban Kiểm soát

Sinh năm : 18/06/1975

Là thành viên Ban Kiểm soát từ tháng 04/2019



Kinh nghiệm: Ông có kinh nghiệm hơn 18 năm về lĩnh vực kế toán, đã kinh qua các vị trí từ nhân viên kế toán, kế toán trưởng, từ tháng 4/2019 đến nay là thành viên Ban Kiểm soát DRI.

Trình độ chuyên môn:

» Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác:

» Thành viên Ban Kiểm soát Dakruco



SỐ BUỔI HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Công việc	Số buổi họp	Tỷ lệ
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	Chuyên trách	4/4/2021	100%
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	Chuyên trách	4/4/2021	100%
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	Chuyên trách	4/4/2021	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã tuân thủ theo Điều lệ của Công ty, và các quy định của Pháp luật trong việc thực hiện công tác kiểm soát tại Công ty. Cụ thể:

- » Kiểm soát công tác quản lý chỉ đạo điều hành của HĐQT, để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương chỉ đạo SXKD thuộc phạm vi thẩm quyền của HĐQT về SXKD cao su và về triển khai đầu tư dự án chuỗi.
- » Kiểm soát quá trình điều hành của Ban Tổng giám đốc Công ty, công ty con trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao và thực hiện nghị quyết của HĐQT Công ty.
- » Kiểm soát công tác tài chính, công tác quản trị chi phí, tiến độ thực hiện kế hoạch tài chính, Kiểm tra kiểm soát công tác kế toán.
- » Kiểm soát công tác mua hàng bán hàng, mua sắm TSCĐ, sửa chữa lớn thực hiện tại Công ty con tại Lào.
- » Soát xét các các rủi ro chính sách thuế và các quy định pháp luật liên quan đến công tác kế toán Lào kiến nghị từng bước hoàn thiện cơ sở pháp lý và bộ máy để áp dụng phương pháp khấu trừ thuế giá trị gia tăng.
- » Giám sát nợ vay, sử dụng vốn vay và an toàn tài chính.
- » Làm việc với kiểm toán độc lập về các nội dung liên quan đến quyết toán tài chính 06 tháng và kết thúc năm.
- » Thẩm định số liệu các báo cáo của HĐQT, Tổng giám đốc, báo cáo tài chính của kiểm toán độc lập trước khi trình ĐHĐCĐ.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao	Lương (BĐH)	Tổng thu nhập
I.	Hội đồng quản trị		330.274.662		330.274.662
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	78.635.967		78.635.967
2	Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	68.148.772		68.148.772
3	Nguyễn Trần Giang	Thành viên	52.426.978		52.426.978
4	Nguyễn Kim Hoa	Thành viên	52.426.978		52.426.978
5	Lê Thanh Cần	Thành viên			
7	Nguyễn Minh	Thành viên	52.426.978		52.426.978
8	Nguyễn Thị Hải	Thành viên	26.208.989		26.208.989
II.	Ban kiểm soát		152.028.338		152.028.338
1	Nguyễn Thạc Hoành	Trưởng ban	68.148.772		68.148.772
2	Phan Thanh Tân	Thành viên	41.939.783		41.939.783
3	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	41.939.783		41.939.783
III.	Ban điều hành			901.349.182	901.349.182
1	Lê Thanh Cần	Tổng GD		363.504.918	366.977.416
2	Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng GD		303.216.918	330.838.355
3	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng		234.627.346	236.509.707
TỔNG CỘNG			482.303.000	901.349.182	1.383.652.182

CÁC GIAO DỊCH PHÁT SINH TRONG KỲ GIỮA TẬP ĐOÀN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nội dung	Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020
Công ty cổ phần Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ)		6.000.000.000
Trả gốc vay	-	
Lãi tiền vay đã trả	-	
Lãi vay phát sinh	-	
Ứng trước hợp đồng mua mủ cao su		6.000.000.000
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)		272.241.826.667
Thu tiền gốc vay		
Thu tiền lãi vay	3.083.990.768	3.086.953.484
Các khoản chi hộ, cho mượn	240.088.000	2.875.034.600
Doanh thu bán hàng		897.600.000
Mua cao su thành phẩm	304.453.490.360	265.382.238.583
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI (Công ty con)		6.000.000.000
Góp vốn thành lập (75% vốn điều lệ)	-	6.000.000.000

VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk cam kết tuân thủ đúng các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

SỐ DƯ PHẢI THU, PHẢI TRẢ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Nội dung	31/12/2019	31/12/2020
Phải thu Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)	165.763.671.054	
Phải thu cho vay	163.723.183.199	153.542.080.974
Các khoản chi hộ, lãi vay	2.040.487.855	15.454.733.811
Phải trả Công ty TNHH cao su Đắk Lắk (Công ty con)		
Phải trả tiền mua hàng	0	47.161.966.481
Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DRI (Công ty con)		21.000.000.000
Góp vốn thành lập (75% vốn điều lệ)	0	21.000.000.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch HĐQT	100.000	0,14%	200.000	0,27%	Mua thêm
2	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	0		100.000	0,14%	Mua
3	Lê Thanh Cường	Kế toán trưởng	100.000	0,14%	0		Bán
4	Nguyễn Văn Thảo	Thành viên BKS	90.000	0,12%	0		Bán



07

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ
CAO SU
ĐẮK LẮK

Digitally signed by
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK
LẮK
DN:
0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:6001271719,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK
LẮK, l=ĐẮK LẮK, c=VN
Date: 2021.03.24
17:08:33 +07'00'

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (công ty mẹ), Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI (công ty con) và Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk (công ty con) (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty mẹ") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001271719, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 02 năm 2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 07 ngày 29 tháng 9 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	487.500.000.000	66,60
Cổ đông khác	244.500.000.000	33,40
Cộng	732.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
Điện thoại : (84-0262) 3867676
Fax : (84-0262) 3865303
E-mail : dri@dakruco.com
Mã số thuế : 6001271719

Cổ phiếu của Công ty mẹ được giao dịch trên sàn giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là DRI và ngày giao dịch đầu tiên là ngày 23 tháng 5 năm 2017.

Hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: trồng cây cao su; hoạt động dịch vụ sau thu hoạch; khai thác và thu gom than bùn, sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; bán buôn cà phê; trồng rừng và chăm sóc rừng lấy gỗ; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; hoạt động tư vấn quản lý; buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; buôn bán vải, hàng may sẵn, giày dép; khai thác đá, cát sỏi, đất sét; hoạt động môi giới nông nghiệp, tư vấn bán hàng.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk	bản Tha Luông, huyện Păkxe, tỉnh Chămpasăk, Lào	111/UBH ngày 6 tháng 12 năm 2004	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, P. Tân An, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	6001605111 ngày 01 tháng 3 năm 2018	80,77%

2. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Viết Tượng	Chủ tịch	16 tháng 9 năm 2015
Ông Bùi Quang Ninh	Phó Chủ tịch	24 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Trần Giang	Thành Viên	05 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Kim Hoa	Thành Viên	24 tháng 10 năm 2012

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Cán	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017
Ông Nguyễn Minh	Thành Viên	15 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên	15 tháng 4 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thạc Hoàn	Trưởng ban	24 tháng 10 năm 2012
Ông Phan Thanh Tân	Thành viên	26 tháng 9 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Thảo	Thành viên	05 tháng 4 năm 2019

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Thanh Cán	Tổng Giám đốc	16 tháng 9 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Hải	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 5 năm 2013

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty mẹ trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Viết Tượng – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Tập đoàn.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

7. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng quản trị,


NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

Số: 171/2021/BCKTHN-HCM.00895

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị Và Ban Tổng Giám Đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 21 tháng 01 năm 2021, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến mục 8.4 của Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Số dư Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 82.423.212.014 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 96.586.239.642 VND). Yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Tuy nhiên, cổ đông chiến lược của Công ty mẹ sẽ tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn, duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 vẫn được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.



PHAN THỊ MỸ HUỆ
 Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0536-2018-009-1
 CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2021

TRẦN THỊ LAN
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4157-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		149.399.427.572	119.143.398.832
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.171.593.506	55.231.618.683
Tiền	111		20.171.593.506	30.231.618.683
Các khoản tương đương tiền	112		12.000.000.000	25.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.791.772.665	12.465.695.304
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	40.908.640.309	8.961.212.100
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	7.104.422.915	1.935.054.818
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	778.709.441	1.569.428.386
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140		66.293.631.879	48.085.074.185
Hàng tồn kho	141	5.5	66.293.631.879	48.085.074.185
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.142.429.522	3.361.010.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.142.429.522	3.361.010.660
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.057.624.740.959	1.206.764.953.920
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		970.142.529.943	1.096.418.882.986
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	964.611.465.002	1.090.817.991.312
Nguyên giá	222		1.408.783.450.974	1.491.405.870.230
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(444.171.985.972)	(400.587.878.918)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	5.531.064.941	5.600.891.674
Nguyên giá	228		6.188.676.904	6.234.165.745
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(657.611.963)	(633.274.071)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		63.773.873.757	83.168.308.169
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	5.8	4.559.788.911	5.342.164.574
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	59.214.084.846	77.826.143.595
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.000.000.000	3.000.000.000
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		20.708.337.259	24.177.762.765
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	20.708.337.259	24.177.762.765
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.207.024.168.531	1.325.908.352.752

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		436.252.449.071	491.908.751.649
Nợ ngắn hạn	310		231.822.639.586	215.729.638.474
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.507.563.498	2.647.472.655
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	2.388.038.329	1.415.856.634
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	7.656.315.791	7.028.723.899
Phải trả người lao động	314	5.14	29.397.314.529	29.554.962.861
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	2.245.216.502	894.737.801
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	885.630.770	939.584.690
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	178.655.181.840	165.271.333.524
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.18	8.087.378.327	7.976.966.410
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
Nợ dài hạn	330		204.429.809.485	276.179.113.175
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337		-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.17	204.429.809.485	276.179.113.175
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
NGUỒN VỐN				
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		770.771.719.460	833.999.601.103
Vốn chủ sở hữu	410	5.19	770.771.719.460	833.999.601.103
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		732.000.000.000	732.000.000.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	5.19	(15.363.018.605)	37.862.803.327
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	25.703.057.182	19.309.582.592
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.19	23.343.264.836	39.942.099.068
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(933.918.920)	1.530.884.517
LNST chưa phân phối năm nay	421b		24.277.183.756	38.411.214.551
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		5.088.416.047	4.885.116.116
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.207.024.168.531	1.325.908.352.752


ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu

LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởngNGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuật - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	441.400.781.535	539.263.432.375
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10	6.1	441.400.781.535	539.263.432.375
Giá vốn hàng bán	11	6.2	315.120.944.299	382.156.213.948
Lợi nhuận gộp	20		126.279.837.236	157.107.218.427
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.348.195.651	5.956.405.667
Chi phí tài chính	22	6.4	45.205.496.854	52.187.410.290
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		28.403.944.913	32.429.676.793
Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	6.5	30.866.836.896	34.166.225.886
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	20.017.056.903	23.930.787.502
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		34.538.642.234	52.779.200.416
Thu nhập khác	31	6.7	780.163.265	3.650.351.947
Chi phí khác	32	6.8	1.325.300.149	1.423.265.093
Lợi nhuận khác	40		(545.136.884)	2.227.086.854
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		33.993.505.350	55.006.287.270
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		9.716.321.594	13.997.913.886
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		24.277.183.756	41.008.373.384
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		24.100.395.491	40.814.430.939
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		176.788.265	193.942.445
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	329	505


ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu

LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởngNGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	33.993.505.350	55.006.287.270
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	74.624.320.876	72.357.260.735
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	-
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.080.635.290	1.478.596.077
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.366.920.048)	(1.844.513.764)
Chi phí lãi vay	06	28.403.944.913	32.429.676.793
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	139.735.486.381	159.427.307.111
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(10.259.311.188)	10.023.575.059
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(17.426.182.031)	31.152.987.935
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(11.631.690.244)	(18.253.344.590)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	3.469.425.506	1.681.867.865
(Tăng)/ giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(28.412.480.572)	(32.400.020.803)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(8.474.748.874)	(8.084.044.220)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	(5.413.724.713)	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(3.947.355.882)	(1.649.304.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	57.639.418.382	141.899.023.640
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.668.421.900)	(28.884.938.853)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	-
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.635.669.048	2.205.381.011
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(12.032.752.852)	(26.679.557.842)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

Địa chỉ: Số 30 Nguyễn Chí Thanh - Phường Tân An - TP. Buôn Ma Thuột - Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Mã số	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	-
Tiền thu từ đi vay	33	251.893.070.561	276.982.455.756
Tiền trả nợ gốc vay	34	(292.658.269.852)	(348.018.711.010)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(29.195.872.560)	(36.525.673.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(69.961.071.851)	(107.561.929.154)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	(24.354.406.321)	7.657.536.644
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	55.231.618.683	47.574.082.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.294.381.144	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	32.171.593.506	55.231.618.683


ĐỖ THỊ NINH
Người lập biểu

LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởngNGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 21 tháng 01 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Cao su Đắk Lắk (Công ty mẹ) là công ty cổ phần.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn (gồm công ty mẹ và công ty con) kinh doanh trong lĩnh vực trồng cây công nghiệp – chế biến.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Đầu tư phát triển dự án trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến các sản phẩm mủ cao su, gỗ cao su, điều và chuỗi để tiêu thụ trong nước và xuất khẩu.

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con là:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH cao su Đắk Lắk	Bản Tha Luông, huyện Pákse, tỉnh Champasak, Lào	100%	100%
Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DRI	59 Cao Thắng, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	80,77%	80,77%

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Tập đoàn được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Tập đoàn áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC. Các thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**4.1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính phát sinh hoạt động mua công ty con.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong kỳ, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc ngoại tệ lần lượt được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán do Ngân hàng thương mại nơi Công ty mẹ và công ty con thường xuyên có giao dịch công bố vào ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.6. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau: Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài – Công ty con để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn, tỷ giá sử dụng như sau:

- Đối với tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối kỳ;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch. Trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài.
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài để tổng hợp vào báo cáo tài chính hợp nhất được phân loại như là vốn chủ sở hữu cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2019: 0,3958 LAK/VND
31/12/2020: 0,4292 LAK/VND

4.7. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20 năm
Máy móc và thiết bị	05 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06 – 08 năm
Vườn cây lâu năm	Theo sản lượng khai thác

4.10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn nhận chuyển nhượng hợp pháp, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không khấu hao.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Giấy chứng nhận ISO

Giấy chứng nhận ISO bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hệ thống và được cấp Giấy chứng nhận ISO. Chi phí này được khấu hao trong 10 năm.

4.11. Chi phí trả trước dài hạn**Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

4.12. Các khoản nợ phải trả và Chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Tập đoàn đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

4.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bắt động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17. Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

4.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

4.19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.20. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Công ty mẹ Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tiền mặt	682.693.513	136.422.731
Tiền gửi ngân hàng	19.488.899.993	30.095.195.952
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	12.000.000.000	25.000.000.000
	32.171.593.506	55.231.618.683

5.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	399.868.620	466.687.990
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH XNK và Phát triển NN CNC Bình Dương	73.848.534	272.451.200
R1 International	21.372.718.645	3.062.879.063
Centrottrade Deutschland GMBH	-	1.239.126.739
Sintex Chemical Corp.	3.712.434.575	-
Ukko Corporation	10.451.663.860	3.753.316.224
NC Group Pte. Ltd	4.574.627.108	-
Các khách hàng khác	323.478.967	166.750.884
	40.908.640.309	8.961.212.100

5.3. Trả trước cho người bán

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước cho các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk	6.000.000.000	-
Trả trước cho người bán khác		
Công ty xây dựng cầu đường Champasak	316.396.125	91.273.229
Công ty vận chuyển hàng hóa quốc tế PK SAVONGSY Contruction Co., Ltd.	201.152.670	-
187.804.054		
Công ty Tâm Thành Phát	-	1.404.690.000
Các nhà cung cấp khác	399.070.066	439.091.589
	7.104.422.915	1.935.054.818

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Lãi dự thu của các hợp đồng tiền gửi	104.405.000	-	373.154.000	-
Tạm ứng của nhân viên	636.639.440	-	1.057.708.018	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	37.665.001	-	138.566.368	-
	778.709.441	-	1.569.428.386	-

5.5. Hàng tồn kho

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.294.208.161	-	14.140.151.459	-
Công cụ, dụng cụ	12.000.000	-	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.145.411.267	-	9.213.809.565	-
Thành phẩm	39.842.012.451	-	24.731.113.161	-
	66.293.631.879	-	48.085.074.185	-

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND		Máy móc và thiết bị VND		Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND		Thiết bị, dụng cụ quản lý VND		Vườn cây lâu năm VND		Cộng VND
Nguyên giá											
Tại ngày 01/01/2020	202.654.728.541	80.192.965.675	37.856.787.467	248.806.743	1.170.452.581.804	1.491.405.870.230					
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	12.047.167.029	89.946.459	-	-	20.188.856.002	32.325.969.490					
Phân loại lại	-	51.833.646	(27.027.027)	27.027.027	(51.833.646)	-					
Chênh lệch tỷ giá (*)	(17.095.905.751)	(6.240.552.315)	(512.097.750)	(16.151.121)	(91.083.681.809)	(114.948.388.746)					
Tại ngày 31/12/2020	197.605.989.819	74.094.193.465	37.317.662.690	259.682.649	1.099.505.922.351	1.408.783.450.974					
Giá trị hao mòn lũy kế											
Tại ngày 01/01/2020	98.464.060.242	48.411.849.980	26.359.682.796	213.235.678	227.139.050.222	400.587.878.918					
Khấu hao trong năm	9.707.713.913	8.145.480.126	2.941.991.545	20.259.868	53.754.969.786	74.570.415.238					
Phân loại lại	-	51.833.646	(20.270.261)	20.270.261	(51.833.646)	-					
Chênh lệch tỷ giá (*)	(7.543.173.947)	(3.767.371.364)	(1.985.396.966)	(14.587.068)	(17.675.778.839)	(30.986.308.184)					
Tại ngày 31/12/2020	100.628.600.208	52.841.792.388	27.296.007.114	239.178.739	263.166.407.523	444.171.985.972					
Giá trị còn lại											
Tại ngày 01/01/2020	104.190.668.299	31.781.115.695	11.497.104.671	35.571.065	943.313.531.582	1.090.817.991.312					
Tại ngày 31/12/2020	96.977.389.611	21.252.401.077	10.021.655.576	20.503.910	836.339.514.828	964.611.465.002					

Trong đó, Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 31/12/2020	34.189.632.466	9.105.374.677	14.072.655.339	120.688.559	-	57.488.351.041
---------------------	----------------	---------------	----------------	-------------	---	----------------

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách tại ngày 31/12/2020 lần lượt là 1.115.223.229.203 VND và 798.693.999.485 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng Việt Lào và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào.

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK
30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND		Giấy chứng nhận ISO VND		Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	5.649.620.520	584.545.225	6.234.165.745		
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(45.488.841)	(45.488.841)		
Tại ngày 31/12/2020	5.649.620.520	539.056.384	6.188.676.904		
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	253.319.675	379.954.396	633.274.071		
Khấu hao trong năm	-	53.905.638	53.905.638		
Chênh lệch tỷ giá (*)	-	(29.567.746)	(29.567.746)		
Tại ngày 31/12/2020	253.319.675	404.292.288	657.611.963		
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	5.396.300.845	204.590.829	5.600.891.674		
Tại ngày 31/12/2020	5.396.300.845	134.764.096	5.531.064.941		

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn

Giá trị đầu tư vườn chuối phân bổ cho 5 vụ thu hoạch, sau vụ thu hoạch đầu tiên.

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Chi phí đầu tư vườn chuối 2018	2.074.226.818	2.074.226.818	2.763.849.173	2.763.849.173
Chi phí đầu tư vườn chuối 2019	620.601.226	620.601.226	2.578.315.401	2.578.315.401
Chi phí đầu tư vườn chuối 2020	1.864.960.867	1.864.960.867	-	-
	4.559.788.911	4.559.788.911	5.342.164.574	5.342.164.574

5.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND		01/01/2020 VND	
Chi phí đầu tư vườn sầu riêng	7.496.357.678		3.765.451.315	
Công trình nhà làm việc DRI	-		241.543.042	
Vườn cây cao su	51.487.976.073		73.704.882.439	
Công trình khác	229.751.095		114.266.799	
	59.214.084.846		77.826.143.595	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Công cụ dụng cụ của Trụ sở Công ty	528.085.437	27.155.802
Tiền thuê đất dự án trồng chuối	2.627.508.844	3.052.652.663
Văn phòng Công ty tại Lào	243.327.994	2.188.773.306
Nông trường 1	2.240.871.158	3.430.185.654
Nông trường 2	3.816.584.851	1.782.935.702
Nông trường 3	8.416.291.726	9.446.926.937
Nông trường 4	2.243.736.470	2.750.781.216
Xí nghiệp chế biến mủ	591.930.779	1.498.351.485
	20.708.337.259	24.177.762.765

5.11. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty TNHH XNK và Phát triển NN CNC Bình Dương	-	198.602.666
Công ty TNHH XD và TM Tâm Thành Phát	758.755.045	-
Công ty Mah Sing Plastic Industries SDN.BHD	-	605.428.120
Xăng dầu Petrovietnam oil Lao Co.Ltd	589.524.697	1.025.932.287
Hộ kinh doanh Việt Trung	320.500.061	-
Công ty TNHH cơ điện máy Trường An	127.296.000	-
Công ty TNHH SX TM DV 999	213.000.000	-
Hộ kinh doanh Cẩm Châu- Hậu Giang	260.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	238.487.695	817.509.582
	2.507.563.498	2.647.472.655

5.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trả trước của khách hàng khác		
Premium Commodities SDN BHD	2.187.325.758	588.607.253
Công ty TNHH Tươi Mới	200.712.571	827.249.381
	2.388.038.329	1.415.856.634

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2020
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND		Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	42.426.181	-	195.026.165	(203.014.410)	-	34.437.936
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11.995.617.711	(11.995.617.711)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	335.910.637	(335.910.637)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.940.722.220	-	9.772.062.272	(8.474.748.874)	(334.463.919)	6.903.571.699
Thuế thu nhập cá nhân	946.609.462	-	5.773.865.970	(5.940.187.966)	(65.916.574)	714.370.892
Tiền thuê đất	-	-	1.277.174.932	(1.277.174.932)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	01/01/2020		Số phát sinh trong năm		Chênh lệch tỷ giá VND	31/12/2020
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND		Phải nộp VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	42.426.181	-	195.026.165	(203.014.410)	-	34.437.936
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	11.995.617.711	(11.995.617.711)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	335.910.637	(335.910.637)	-	-
Các loại thuế khác	98.966.036	-	40.451.725	(128.087.279)	(7.395.218)	3.935.264
	7.028.723.899	-	29.390.109.412	(28.354.741.809)	(407.775.711)	7.656.315.791

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

Thuế giá trị gia tăng

- Công ty mẹ nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.
- Công ty con chưa đăng ký, kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Toàn bộ thuế giá trị gia tăng đầu vào được ghi nhận hết vào giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chi phí phát sinh trong kỳ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng đầu ra cho hàng xuất khẩu là 0%, hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Công ty mẹ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.
- Đối với Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk, theo Biên bản thỏa thuận ngày 19 tháng 11 năm 2004 về Dự án phát triển cây cao su ở 4 tỉnh nam Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp sau 02 năm cạo mủ, sau đó phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%. Các loại cây công nghiệp khác phải nộp thuế theo quy định kể từ ngày có sản phẩm.

Tiền thuê đất

Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk phải nộp tiền thuê đất với giá là 6USD/ha/năm. Công ty con được miễn tiền thuê đất trong 07 năm đầu phát triển dự án kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với các bộ phận có liên quan của Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Năm 2012 là năm đầu tiên Công ty con có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất.

Các loại thuế khác

Các Công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

5.14. Phải trả người lao động

Là tiền lương tháng 12 còn phải trả cho người lao động

5.15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Trích trước chi phí triển khai dự án ở các Nông trường	1.910.368.127	812.330.874
Chi phí lãi vay phải trả	23.871.268	32.406.927
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán	196.986.893	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	113.990.214	50.000.000
	2.245.216.502	894.737.801

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.16. Các khoản phải trả phải nộp khác

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân		
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	155.773.084	262.562.832
Phải trả hộ tiền lãi vay vốn chỉ thun	64.842.198	64.842.198
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	398.038.315	313.910.875
Các khoản thiết kế xây dựng cơ bản	162.278.986	175.973.070
Chi phí sơ chế chuỗi	-	74.294.580
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	104.698.187	48.001.135
	885.630.770	939.584.690

5.17. Vay và nợ thuê tài chính**5.17.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	18.797.207.686	18.797.207.686	26.802.308.063	26.802.308.063
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	89.582.042.044	89.582.042.044	87.256.133.265	87.256.133.265
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tân Lập Bắc Đắk Lắk	1.100.000.000	1.100.000.000	8.710.138.612	8.710.138.612
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (iii)	7.048.751.271	7.048.751.271	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	62.127.180.839	62.127.180.839	42.502.753.584	42.502.753.584
	178.655.181.840	178.655.181.840	165.271.333.524	165.271.333.524

- (i) Ngày 30/07/2019 Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk ký kết hợp đồng tín dụng hạn mức số 45/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 40.000.000.000 LAK để bổ sung vốn lưu động, thay thế cho hợp đồng số 37/HĐTD.LVB.CPS ngày 22/05/2018. Thời hạn vay 12 tháng, lãi suất theo mức lãi suất áp dụng của LaoVietBank trong từng thời kỳ, thể hiện trong bản kê rút vốn từng lần cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất, Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009 và một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018. Cụ thể như sau:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

Phụ lục 01.50: 113ha

Phụ lục 02.50: 372ha

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015

(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).

- (ii) Công ty TNHH Cao su Đắk Lắk ký kết hợp đồng vay với hạn mức 50 tỷ LAK tại Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào theo hợp đồng tín dụng số 54/2019/HĐTD-HM/CPS ngày 07 tháng 10 năm 2019 để bổ sung vốn lưu động với lãi suất ban đầu 6%/năm (lãi suất sẽ điều chỉnh định kỳ theo thông báo của Ngân hàng). Thời hạn vay 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).
- (iii) Hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố Giấy tờ có giá/thẻ tiết kiệm, kiêm biên bản định giá ngày 15/10/2020, hạn mức tín dụng: 3.300.000.000 VND, thời hạn vay: 9 tháng, lãi suất vay: 9%/năm. Mục đích sử dụng: bổ sung vốn lưu động, tài sản thế chấp: sổ tiết kiệm 5 tỷ đồng thuộc sở hữu của Công ty CP Đầu tư Cao su Đắk Lắk.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

	Vay ngắn hạn VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2020	122.768.579.940	42.502.753.584	165.271.333.524
Số tiền vay phát sinh	251.893.070.561	-	251.893.070.561
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	62.127.180.839	62.127.180.839
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.435.904.129	769.429.345	4.205.333.474
Số tiền vay đã trả	(252.693.617.142)	(39.964.652.710)	(292.658.269.852)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(8.875.936.486)	(3.307.530.220)	(12.183.466.706)
Tại ngày 31/12/2020	116.528.001.002	62.127.180.838	178.655.181.840

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.17.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn với các bên liên quan				
Vay dài hạn ngân hàng				
- Ngân hàng Việt Lào (i)	6.041.035.506	6.041.035.506	9.401.145.076	9.401.145.076
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Lào (ii)	198.388.773.979	198.388.773.979	266.777.968.099	266.777.968.099
	204.429.809.485	204.429.809.485	276.179.113.175	276.179.113.175

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

- (i) Ngày 30/7/2019 Công ty ký kết hợp đồng tín dụng số 46/HĐ-LVB/2019, hạn mức tín dụng 729.186 USD với mục đích xây dựng cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước lý nước thải nhà máy chế biến mủ cao su Daklaoruco. Thời gian rút vốn 6 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng, thời gian cho vay 5 năm, kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian trả nợ là 5 năm. Lãi suất kể từ ngày giải ngân là 10,5%/năm đối với kỳ đầu tiên, sáu các kỳ tiếp theo áp dụng bằng lãi suất thả nổi, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tại điều 9 của hợp đồng 46/HĐ-LVB/2019. Ngoài ra, một số khoản thế chấp bổ sung như sau:

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 50-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

Phụ lục 01.50: 113ha

Phụ lục 02.50: 372ha

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 291 và 293 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 31 tháng 3 năm 2009 cùng với tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 51-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 603 do Phòng quản lý đất đai Champasak cấp ngày 05 tháng 8 năm 2010 và tài sản gắn liền trên đất)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 52-2014/LVB.CPS ngày 22/05/2014

(một số tài sản là máy móc thiết bị chế biến mủ theo Biên bản định giá số 93/BBĐG-LVB.CPS ngày 22 tháng 5 năm 2018)

Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 42-2014/LVB.CPS ngày 05/05/2015

(Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo Giấy phép cấp quyền sử dụng đất Nhà nước số 03/2009 do Cơ quan quản lý đất đai tỉnh Champasak cấp ngày 24/08/2009).

- (ii) Ngày 29 tháng 3 năm 2014, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào hợp đồng vay dài hạn số 06/HĐTD/2014/KHDN với tổng giá trị 160.000.000.000 LAK, lãi suất 6,5%/năm (vay USD) và 11%/năm (vay LAK) để "trả nợ công ty mẹ đã đầu tư vào dự án phát triển cao su, cà phê, điều của Công ty TNHH Cao su Đắklắk tại các tỉnh Nam Lào", thời hạn vay 11 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là quyền thuê, quyền khai thác trên toàn bộ diện tích và tài sản trên đất tại Nông trường 2 (bao gồm toàn bộ vườn cây cao su, cà phê, hệ thống hạ tầng và các công trình liên quan diện tích 2.123,64 ha), một phần diện tích nông trường 4 (1.878 ha) một phần nông trường 1 (2.192 ha) và một phần nông trường 3 (966 ha).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn - Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lào:

	VND
Tại ngày 01/01/2020	276.179.113.175
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.869.914.383
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(62.127.180.839)
Chênh lệch tỷ giá (*)	(21.492.037.234)
Tại ngày 31/12/2020	204.429.809.485

(*) Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài.

5.17.3 Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Số 01/01/2020	7.976.966.410	4.839.281.433
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.841.121.454	4.854.564.072
Tăng khác	-	-
Chi quỹ	(3.013.436.962)	(1.649.304.717)
Chênh lệch tỷ giá	(717.272.575)	(67.574.378)
Số dư 31/12/2020	8.087.378.327	7.976.966.410

5.19. Vốn chủ sở hữu**5.19.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	732.000.000.000	70.553.983.575	12.027.736.484	50.267.294.697	864.849.014.756
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(32.691.180.248)	-	-	(32.691.180.248)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.008.373.384	41.008.373.384
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	7.281.846.108	(12.136.410.180)	(4.854.564.072)
Chia cổ tức	-	-	-	(36.600.000.000)	(36.600.000.000)
Nộp truy thu thuế	-	-	-	(2.597.158.833)	(2.597.158.833)
Tại ngày 31/12/2019	732.000.000.000	37.862.803.327	19.309.582.592	39.942.099.068	829.114.484.987
Tại ngày 01/01/2020	732.000.000.000	37.862.803.327	19.309.582.592	39.942.099.068	829.114.484.987
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi Báo cáo tài chính của Công ty con ở nước ngoài	-	(53.225.821.932)	(427.503.024)	-	(53.653.324.956)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	24.277.183.756	24.277.183.756
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	6.820.977.614	(10.662.099.068)	(3.841.121.454)
Chia cổ tức	-	-	-	(29.280.000.000)	(29.280.000.000)
Lương của Hội đồng quản trị không chuyên trách	-	-	-	(933.918.920)	(933.918.920)
Tại ngày 31/12/2020	732.000.000.000	(15.363.018.605)	25.703.057.182	23.343.264.836	765.683.303.413

5.19.2 Chi tiết vốn góp của cổ đông

Cổ đông	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Cao su Đắklắk	487.500.000.000	66,60	487.500.000.000	66,60
Các cổ đông khác	244.500.000.000	33,40	244.500.000.000	33,40
	732.000.000.000	100,00	732.000.000.000	100,00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.19.3 Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.200.000	73.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	73.200.000	73.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

5.19.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 07/NQ-CT ngày 29 tháng 5 năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 6.820.977.613
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.841.121.454
• Chi cổ tức (tỷ lệ 5%)	: 29.280.000.000

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán thành phẩm mủ cao su	441.400.781.535	539.263.432.375
	441.400.781.535	539.263.432.375

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn thành phẩm mủ cao su	315.120.944.299	382.156.213.948
	315.120.944.299	382.156.213.948

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.100.517.600	1.576.813.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	10.402.448	528.355.011
Cổ tức, lợi nhuận được chia	256.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.981.275.603	3.851.237.656
	4.348.195.651	5.956.405.667

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí lãi vay	28.403.944.913	32.429.676.793
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	11.766.277.908	17.448.429.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4.080.635.290	1.478.596.077
Chi phí tài chính khác	954.638.743	830.708.244
	45.205.496.854	52.187.410.290

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí cho nhân viên	2.538.176.545	2.554.442.500
Chi phí vật liệu, bao bì	4.076.378.606	5.950.340.648
Chi phí khấu hao tài sản cố định	734.374.842	933.421.270
Chi phí đóng pallet	3.349.408.022	3.039.193.600
Chi phí vận chuyển	17.723.728.233	18.341.913.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	131.064.536	256.628.827
Các chi phí khác	2.313.706.112	3.090.285.726
	30.866.836.896	34.166.225.886

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí cho nhân viên	10.864.767.616	10.748.912.718
Chi phí vật liệu quản lý	464.936.125	690.099.078
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.006.759.442	1.456.849.953
Thuế, phí và lệ phí	16.721.712	35.009.934
Chi phí mua bảo hiểm tài sản vườn cây	3.860.413.010	4.697.163.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.388.790.502	1.538.370.145
Các chi phí khác	2.414.668.496	4.764.381.777
	20.017.056.903	23.930.787.502

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	678.372.916
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp theo kết luận thanh tra thuế	-	998.720.368
Tiền bồi thường	37.232.000	111.469.551
Thu nhập từ bán mủ đất	6.989.748	1.141.776.953
Thu nhập khác từ chăm sóc vườn cây	684.818.040	424.261.809
Thu nhập từ bán cây giống	42.000.751	277.702.800
Thu nhập khác	9.122.726	18.047.550
	780.163.265	3.650.351.947

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.8. Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Thuế bị phạt, bị truy thu	78.052.528	670.279.624
Tiền phạt vi phạm hành chính	478.632.579	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	-
Chi phí khác từ chăm sóc vườn cây	657.187.800	331.989.472
Chi phí bán cây giống	102.279.873	204.362.400
Chi phí khác	9.147.369	216.633.597
	1.325.300.149	1.423.265.093

6.9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.978.567.720	80.160.068.994
Chi phí nhân công	177.643.281.705	206.914.671.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	74.624.320.876	72.357.260.735
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.323.853.601	31.568.534.277
Chi phí khác	15.925.844.917	15.107.443.783
	383.495.868.819	406.107.979.013

6.10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	24.100.395.491	40.814.430.939
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	(3.841.121.454)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	24.100.395.491	36.973.309.485
Cổ phiếu phổ thông công ty mẹ đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)(*)	73.200.000	73.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	329	505

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	73.200.000	73.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	73.200.000	73.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**7.1. Tiền thu từ đi vay**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	251.893.070.561	276.982.455.756
	251.893.070.561	276.982.455.756

7.2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	292.658.269.852	348.018.711.010
	292.658.269.852	348.018.711.010

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC**8.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các giao dịch phát sinh trong kỳ giữa Tập đoàn với bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Bán cây giống	42.000.751	277.702.800
Thu nhập từ chăm sóc vườn cây	684.818.040	424.261.809

Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Công ty Cổ phần Cao su Đắk Lắk		
Phải thu tiền chăm sóc vườn cây	399.868.620	466.687.990
Trả trước tiền hàng	6.000.000.000	-
Cộng nợ phải thu	6.399.868.620	466.687.990

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan năm 2020 là 1.584.399.381 VND (năm 2019 là: 1.872.565.281 VND).

8.2. Công cụ tài chính

Tập đoàn có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, đầu tư khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tập đoàn.

Tập đoàn chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Tổng Giám đốc xem xét, thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho các rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn có rủi ro ngoại tệ do thực hiện mua và bán hàng hóa bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền kế toán của Tập đoàn. Tập đoàn quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Tập đoàn lập kế hoạch mua và bán hàng trong tương lai bằng ngoại tệ.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Tỷ giá hối đoái giữa đồng LAK và VND ít biến động.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tập đoàn tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tập đoàn theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tập đoàn sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	178.655.181.840	204.429.809.485	383.084.991.325
Phải trả người bán	2.507.563.498	-	2.507.563.498
Chi phí phải trả	2.245.216.502	-	2.245.216.502
Phải trả khác	834.595.570	-	834.595.570
	184.242.557.410	204.429.809.485	388.672.366.895
Ngày 01 tháng 01 năm 2020			
Các khoản vay và nợ	165.271.333.524	276.179.113.175	441.450.446.699
Phải trả người bán	2.647.472.655	-	2.647.472.655
Chi phí phải trả	894.737.801	-	894.737.801
Phải trả khác	677.021.858	-	677.021.858
	169.490.565.838	276.179.113.175	445.669.679.013

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã cầm cố tài sản cố định hữu hình và tài sản đang đầu tư xây dựng cơ bản dở dang của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.6 và 5.8).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.171.593.506	55.231.618.683	32.171.593.506	55.231.618.683
Các khoản đầu tư	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng	40.908.640.309	8.961.212.100	40.908.640.309	8.961.212.100
Các khoản phải thu khác	142.070.001	511.720.368	142.070.001	511.720.368
	76.222.303.816	67.704.551.151	76.222.303.816	67.704.551.151
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	383.084.991.325	441.450.446.699	383.084.991.325	441.450.446.699
Phải trả người bán	2.507.563.498	2.647.472.655	2.507.563.498	2.647.472.655
Chi phí phải trả	2.245.216.502	894.737.801	2.245.216.502	894.737.801
Phải trả khác	834.595.570	677.021.858	834.595.570	677.021.858
	388.672.366.895	445.669.679.013	388.672.366.895	445.669.679.013

8.3. Thông tin về bộ phận

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là trồng cây cao su, chế biến mủ cao su và trong một khu vực địa lý là tỉnh Champasak và tỉnh Salavan của Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK

30 Nguyễn Chí Thanh, Phường Tân An, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

8.4. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tình hình tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, Nợ ngắn hạn đã vượt quá Tài sản ngắn hạn là 82.423.212.014 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 96.586.239.642 VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào việc cổ đông chiến lược tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được. Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc tin rằng các cổ đông chiến lược sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

8.5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



ĐỖ THỊ NINH
Người lập



LÊ THANH CƯỜNG
Kế toán trưởng



NGUYỄN VIỆT TƯỢNG
Chủ tịch HĐQT

Đắk Lắk, ngày 15 tháng 03 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CAO SU ĐẮK LẮK**DRI****BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2020**

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 04 năm 2021

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ